

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀNG HẢI VIỆT NAM



**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  
**CỬ NHÂN** NGÔN NGỮ ANH  
*(Dành cho sinh viên từ khóa 60)*

**TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: ĐẠI HỌC**  
**CHUYÊN NGÀNH: NGÔN NGỮ ANH**  
**NGÀNH: NGÔN NGỮ ANH**  
**MÃ NGÀNH: 7220201**

**HẢI PHÒNG, 2020**

## MỤC LỤC

<b>1. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH</b>	<b>3</b>
1.1. Giới thiệu chương trình	3
1.2. Thông tin chung về chương trình	3
1.3. Triết lý giáo dục	4
1.4. Nhiệm vụ/sứ mạng của chương trình	4
1.5. Mục tiêu của chương trình	4
1.6. Chuẩn đầu ra của chương trình	4
1.7. Cơ hội việc làm và học tập sau khi tốt nghiệp	6
1.8. Tiêu chuẩn nhập học, quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp	7
1.9. Các chiến lược dạy - học và phương pháp đánh giá	8
<b>2. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC</b>	<b>10</b>
2.1. Cấu trúc chương trình và phân nhiệm kết quả học tập mong đợi về kiến thức	10
2.2. Ma trận phân nhiệm kết quả học tập mong đợi về kỹ năng, thái độ	15
2.3. Kế hoạch học tập toàn khóa	19
2.4. Tóm tắt các học phần	22

# 1. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH

## 1.1. Giới thiệu chương trình

Chương trình đào tạo Ngôn ngữ Anh do **Khoa Ngoại ngữ** xây dựng, Trường Đại học Hàng hải Việt Nam thẩm định và ban hành. Chương trình có tham khảo các chương trình của Trường ĐH trong nước có cùng nhóm ngành. Chương trình được định kỳ rà soát, cập nhật, chỉnh sửa đáp ứng nhu cầu thực tiễn đối với sinh viên tốt nghiệp cũng như đáp ứng đầy đủ các quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo và của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam. Người học khi tham gia chương trình được đào tạo không chỉ về kiến thức mà còn được rèn luyện cả về kỹ năng, thái độ đáp ứng Khung trình độ quốc gia Việt Nam cũng như một số yêu cầu quốc tế khác đối với năng lực của người lao động trong thế kỷ 21.

## 1.2. Thông tin chung về chương trình

Tên chương trình:	CTĐT cử nhân Ngôn ngữ Anh
Cơ quan/Viện trao bằng cấp:	Trường Đại học Hàng hải Việt Nam
Các đơn vị tham gia giảng dạy:	Trường Đại học Hàng hải Việt Nam
Chứng nhận chuyên môn:	Bằng đại học
Học vị sau tốt nghiệp:	Cử nhân
Mô hình học tập:	Toàn thời gian
Tổng số tín chỉ:	<b>124</b>
Ngôn ngữ sử dụng:	<b>Tiếng Việt, Tiếng Anh</b>
Thời lượng đào tạo:	<b>4 năm (8 học kỳ)</b>
Website:	<a href="http://ngoainguvimaru.edu.vn/?lang=vi">http://ngoainguvimaru.edu.vn/?lang=vi</a>
Cập nhật lần cuối:	Tháng 7/2020

## 1.3. Triết lý giáo dục

Triết lý giáo dục của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam: “Trí tuệ - Sáng tạo - Trách nhiệm - Nhân văn”.

## 1.4. Nhiệm vụ/sứ mạng của chương trình

Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ chiến lược phát triển kinh tế biển và công cuộc xây dựng bảo vệ tổ quốc, hội nhập quốc tế nói chung **và cho ngành nói riêng**.

## 1.5. Mục tiêu của chương trình

Chương trình Ngôn ngữ Anh đào tạo lý thuyết và thực hành ngôn ngữ học tiếng Anh và kỹ năng biên, phiên dịch.

Mục tiêu của chương trình là cung cấp cho SV: kiến thức nền tảng ngôn ngữ, văn hóa; sự thông thạo, linh hoạt trong việc sử dụng tiếng Anh hiệu quả phục vụ các mục đích xã hội, học thuật và chuyên môn; sự hiểu biết kiến thức chuyên ngành bao gồm: lý thuyết ngôn ngữ nâng cao, biên phiên dịch, văn hóa và giao thoa văn hóa các nước; có tư duy logic-phản biện; các kỹ năng cần thiết để làm việc trong thế kỷ 21; và hình thành thái độ làm việc chuyên nghiệp.

## 1.6. Chuẩn đầu ra của chương trình

*Ký hiệu:*

(A) Khung TĐQG (K1-K5/ S1-S6/ C1-C4)

*Một số chữ viết tắt:*

TĐNL - Thang đo năng lực;

TĐQG -Trình độ quốc gia;

TCKĐ -Tiêu chuẩn kiểm định.

Sinh viên tốt nghiệp chương trình Ngôn ngữ Anh có các năng lực sau:

Mã số	Nội dung	TĐNL
<b>1</b>	<b>KIẾN THỨC VÀ LẬP LUẬN NGÀNH NGÔN NGỮ ANH</b>	
<b>1.1</b>	<b>Kiến thức cơ bản</b>	
1.1.1	Kiến thức cơ bản ngành	<b>3.0</b>
1.1.2	Kiến thức cơ bản ngôn ngữ	<b>4.0</b>
1.1.3	Kiến thức cơ bản về KHXH&NV, khoa học chính trị, pháp luật	<b>3.5</b>
<b>1.2</b>	<b>Kiến thức cơ sở ngành</b>	
1.2.1	Kỹ năng Đọc hiểu	<b>4.0</b>
1.2.2	Kỹ năng Nghe hiểu	<b>4.0</b>
1.2.3	Kỹ năng Nói	<b>4.0</b>
1.2.4	Kỹ năng Viết	<b>4.0</b>
<b>1.3</b>	<b>Kiến thức chuyên ngành</b>	
1.3.1	Ngôn ngữ học	<b>3.5</b>
1.3.2	Văn hóa	<b>3.5</b>

1.3.3	Tiếng Anh các chuyên ngành thương mại(ESP)	3.5
1.3.4	Biên dịch	4.0
1.3.5	Phiên dịch	4.0
<b>1.4</b>	<b>Kiến thức thực tập và tốt nghiệp</b>	
1.4.1	Vận dụng kiến thức Ngôn ngữ, kinh tế vào thực tế	4.0
1.4.2	Viết luận nâng cao	4.0
1.4.3	Phiên dịch nâng cao	4.0
1.4.4	Biên dịch nâng cao	4.0
<b>2</b>	<b>KỸ NĂNG CÁ NHÂN, NGHỀ NGHIỆP VÀ PHẨM CHẤT</b>	
<b>2.1</b>	<b>Khả năng lập luận, phân tích và giải quyết vấn đề</b>	
2.1.1	Xác định và nêu vấn đề	4.0
2.1.2	Ước lượng và phân tích định tính, phân tích các yếu tố bất định	4.0
2.1.3	Các giải pháp và khuyến nghị	3.0
<b>2.2</b>	<b>Khả năng tư duy hệ thống</b>	
2.2.1	Tư duy toàn cục	2.0
2.2.2	Sắp xếp trình tự ưu tiên và tập trung	3.0
<b>2.3</b>	<b>Thái độ, tư tưởng và học tập</b>	
2.3.1	Kiên trì, sẵn sàng và quyết tâm, tháo vát và linh hoạt	3.0
2.3.2	Tư duy suy xét	3.0
2.3.3	Học tập và rèn luyện suốt đời	3.0
<b>2.4</b>	<b>Đạo đức, công bằng và các trách nhiệm khác</b>	
2.4.1	Đạo đức, liêm chính và trách nhiệm xã hội	3.0
2.4.2	Hành xử chuyên nghiệp	3.0
<b>3.</b>	<b>KỸ NĂNG GIAO TIẾP: LÀM VIỆC NHÓM VÀ GIAO TIẾP</b>	
<b>3.1</b>	<b>Làm việc theo nhóm</b>	
3.1.1	Tổ chức nhóm hiệu quả	3.0
3.1.2	Hoạt động nhóm	3.0
<b>3.2</b>	<b>Giao tiếp</b>	
3.2.1	Giao tiếp bằng văn bản	3.0
3.2.2	Giao tiếp điện tử/ đa truyền thông	3.0
<b>3.3</b>	<b>Giao tiếp bằng ngoại ngữ</b>	3.5
3.3.1	Ngoại ngữ thứ 2 (Trung/ Nhật/ Hàn)	3.5

<b>4</b>	<b>HÌNH THÀNH Ý TƯỞNG, THIẾT KẾ, THỰC HIỆN, VÀ VẬN HÀNH TRONG BỐI CẢNH DOANH NGHIỆP, XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG – QUÁ TRÌNH SÁNG TẠO</b>	
<b>4.1</b>	<b>Hiểu bối cảnh xã hội và ngoại cảnh</b>	
4.1.1	Vai trò và trách nhiệm của người kỹ sư/cử nhân	<b>2.0</b>
4.1.2	Bối cảnh lịch sử và văn hóa và phát triển quan điểm toàn cầu	<b>2.0</b>
<b>4.2</b>	<b>Bối cảnh doanh nghiệp và kinh doanh</b>	
4.2.1	Tôn trọng các nền văn hóa doanh nghiệp khác nhau	<b>2.0</b>
4.2.2	Các bên liên quan	<b>2.0</b>

### Thang trình độ năng lực và phân loại học tập

<i>Thang TĐNL</i>	<b>PHÂN LOẠI HỌC TẬP</b>		
	<b>Lĩnh vực Kiến thức</b> (Bloom, 1956)	<b>Lĩnh vực Thái độ</b> (Krathwohl, Bloom, Masia, 1973)	<b>Lĩnh vực Kỹ năng</b> (Simpson, 1972)
1. <i>Có biết hoặc trải qua</i>			1. Khả năng Nhận thức 2. Khả năng Thiết lập
2. Có thể tham gia vào và đóng góp cho	1. Khả năng Nhớ	1. Khả năng Tiếp nhận hiện tượng	3. Khả năng Làm theo hướng dẫn
3. Có thể hiểu và giải thích	2. Khả năng Hiểu	2. Khả năng Phản hồi hiện tượng	4. Thuần thục
4. Có kỹ <i>năng</i> thực hành hoặc triển khai trong	3. Khả năng Áp dụng 4. Khả năng Phân tích	3. Khả năng Đánh giá	5. Thành thạo kỹ năng phức tạp 6. Khả năng Thích ứng
5. Có thể <i>dẫn đắt</i> hoặc <i>sáng tạo</i> trong	5. Khả năng Tổng hợp 6. Khả năng Đánh giá	4. Khả năng Tổ chức 5. Khả năng Hành xử	7. Khả năng Sáng chế

#### 1.7. Cơ hội việc làm và học tập sau khi tốt nghiệp

Người tốt nghiệp chương trình đào tạo chuyên ngành Ngôn ngữ Anh có thể làm việc trong công ty, cơ quan, tổ chức thuộc các lĩnh vực:

- Dịch thuật Anh- Việt;
- Các bộ phận quan hệ quốc tế và đối ngoại tại các doanh nghiệp, các cơ quan truyền thông, các tổ chức kinh tế, xã hội của Việt Nam và quốc tế;
- Giảng dạy tiếng Anh tại các cơ sở giáo dục;

- Nghiên cứu ngôn ngữ, giáo dục.

## **1.8. Tiêu chuẩn nhập học, quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp**

### **1.8.1. Tiêu chuẩn nhập học**

1. Trường Đại học Hàng hải Việt Nam tuyển sinh đại học theo đề án tuyển sinh được Hội đồng trường thông qua và công khai hàng năm. Đề án tuyển sinh của Nhà trường tuân thủ các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam.

2. Các thí sinh đăng ký xét tuyển theo các phương thức xét tuyển khác nhau phải đảm bảo đáp ứng các yêu cầu của từng phương thức xét tuyển, thực hiện đăng ký đúng theo đề án tuyển sinh và thông báo tuyển sinh của Nhà trường. Sau thời hạn nộp hồ sơ đăng ký, Nhà trường sẽ xét tuyển và công bố kết quả xét tuyển.

3. Thí sinh trúng tuyển nhập học theo các quy định, hướng dẫn của Nhà trường và của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Sau khi hoàn thành thủ tục nhập học, các sinh viên sẽ được đào tạo theo chương trình đào tạo của Nhà trường.

### **1.8.2. Quy trình đào tạo**

Nhà trường tổ chức đào tạo theo học chế tín chỉ tuân thủ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học. Hoạt động đào tạo được tổ chức như sau:

- Một năm học gồm 03 học kỳ: học kỳ I, II và học kỳ phụ ngoài thời gian nghỉ hè.
- Học kỳ phụ có 6 - 7 tuần bao gồm cả thời gian học và thi, dành cho sinh viên học lại, học chậm tiến độ, học cải thiện điểm trên cơ sở tự nguyện, không bắt buộc và không miễn giảm học phí. Các học phần thực tập cũng được bố trí trong học kỳ phụ.
- Học kỳ I và II có nhiều nhất 15 tuần thực học và 3 tuần thi là các học kỳ bắt buộc sinh viên phải đăng ký khối lượng học tập và được miễn giảm học phí theo quy định.
- Trong thời gian nghỉ hè (06 tuần), Nhà trường có thể bố trí các học phần thực tập giữa khóa, thực tập tốt nghiệp và các trường hợp đặc biệt khác.
- Thời khóa biểu của các lớp học phần được bố trí đều trong các tuần của học kỳ. Trong trường hợp cần thiết phải xếp lịch học tập trung thời gian, số giờ giảng với một học phần bất kỳ không vượt quá 15 giờ/tuần và 4 giờ/ngày.

Trước khi các học kỳ bắt đầu, sinh viên đăng ký học phần học tập của từng kỳ, đóng học phí. Mỗi sinh viên sẽ có một thời khóa biểu riêng tùy thuộc vào kết quả đăng ký học phần. Sinh viên đi học theo thời khóa biểu đã đăng ký và thực hiện hoạt động học tập theo hướng dẫn của giảng viên. Trong quá trình học tập và kỳ thi cuối kỳ, giảng viên sẽ đánh giá kết quả học tập của sinh viên. Kết quả học tập từng học phần của sinh viên được nhập vào phần mềm quản lý đào tạo và công bố cho sinh viên tra cứu trên website của Trường. Khi sinh viên hoàn thành chương trình đào tạo thì Nhà trường sẽ tổ chức xét và công nhận tốt nghiệp cho sinh viên.

### **1.8.3. Điều kiện tốt nghiệp**

Những sinh viên có đủ các điều kiện sau thì được xét và công nhận tốt nghiệp:

a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

b) Tích lũy đủ số tín chỉ quy định của chương trình đào tạo chuyên ngành.

c) Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên.

d) Đạt các học phần hoặc có chứng chỉ GDQP-AN và GDTC.

e) Đạt các điều kiện của chuẩn đầu ra về chuyên môn, ngoại ngữ, tin học và điểm rèn luyện.

g) Có đơn gửi Khoa/Viện đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn hơn so với thời gian thiết kế của khoá học.

## **1.9. Các chiến lược dạy - học và phương pháp đánh giá**

### **1.9.1. Các chiến lược dạy - học**

Chiến lược dạy và học của Nhà trường bám sát triết lý giáo dục: “Trí tuệ - Sáng tạo - Trách nhiệm - Nhân văn”. Nhà trường khuyến khích giảng viên phát huy tiềm năng trí tuệ, không ngừng đổi mới sáng tạo, nâng cao ý thức trách nhiệm và đề cao giá trị nhân văn trong tổ chức và triển khai các hoạt động dạy - học nhằm mục tiêu đào tạo ra nguồn nhân lực chất lượng cao. Cụ thể, thực hiện các chiến lược dạy - học sau:

- Thực hiện đào tạo tích hợp kiến thức, kỹ năng, thái độ; học tập kết hợp với trải nghiệm trong chương trình đào tạo;

- Áp dụng các phương pháp giảng dạy tích cực, học tập chủ động;

- Lượng hóa đánh giá kết quả học tập đáp ứng chuẩn đầu ra.

### **1.9.2. Các phương pháp đánh giá kết quả học tập**

#### **a. Thành phần điểm đánh giá học phần:**

- Điểm đánh giá học phần gồm các thành phần sau:

**Z:** điểm đánh giá học phần;

**X:** điểm đánh giá trong quá trình học tập. Cách đánh giá điểm X do các bộ môn tự thống nhất.

**Y:** điểm thi, đánh giá kết thúc học phần. Sinh viên vắng mặt trong buổi thi, đánh giá không có lý do chính đáng phải nhận điểm 0. Sinh viên vắng mặt có lý do chính đáng được dự thi đánh giá ở một đợt khác và được tính điểm lần đầu.

- Các thành phần điểm đánh giá học phần được thể hiện trong đề cương học phần và được công bố cho người học trong buổi đầu tiên khi thực hiện giảng dạy học phần.

- Đối với các học phần GDQP-AN, GDTC, chỉ đánh giá theo mức **Đạt** và **Không đạt** và không được tính vào điểm tích lũy. *Lưu ý: để được đánh giá Đạt các học phần GDQP-*



*AN, sinh viên phải tham dự ít nhất 80% thời gian theo kế hoạch học tập và kết quả đánh giá học phần theo thang điểm 10 phải từ 5,0 trở lên.*

- Các phương pháp đánh giá học phần: tùy theo nội dung học tập, kết quả học tập mong đợi của học phần mà giảng viên thiết kế các phương án đánh giá học phần khác nhau. Việc đánh giá kiến thức có thể thực hiện qua các bài kiểm tra viết, vấn đáp, trắc nghiệm ... Thông qua quan sát, theo dõi việc thực hiện qua các bài thực hành, triển khai các hoạt động học tập, nghiên cứu của sinh viên, các bài viết liên hệ thực tiễn ... giảng viên đánh giá kỹ năng, thái độ người học.

### **b. Công thức tính điểm đánh giá học phần**

b.1. Đối với các học phần loại I

$$Z = 0,5X + 0,5Y$$

Để được dự thi kết thúc học phần, sinh viên phải đảm bảo tham dự ít nhất 75% thời gian theo kế hoạch học tập và tất cả các điểm thành phần  $X_i \geq 4$ . Trường hợp không đủ điều kiện dự thi thì ghi  $X = 0$  và  $Z = 0$  (không đủ điều kiện dự thi). Điểm thi kết thúc học phần (Y) phải đảm bảo điều kiện  $\geq 4$ . Trường hợp  $Y < 4$  thì  $Z = 0$ . Điểm X, Y, Z được lấy theo thang điểm 10, làm tròn đến 1 chữ số sau dấu phẩy.

b.2. Đối với các học phần loại II

$$Z = Y$$

Điểm thi kết thúc học phần (Y) phải đảm bảo điều kiện  $\geq 4$ .

Trường hợp  $Y < 4$  thì  $Z = 0$ . Điểm Y, Z được lấy theo thang điểm 10, làm tròn đến 1 chữ số sau dấu phẩy.

b.3. Đối với các học phần loại III

$$Z = X$$

Sinh viên phải đảm bảo tham dự ít nhất 75% thời gian theo kế hoạch học tập và tất cả các điểm thành phần  $X_i \geq 4$ .

### **c. Quy trình cho điểm X, Y, Z:**

c.1. Giảng viên có trách nhiệm tính điểm X và thông báo công khai trong buổi học cuối cùng của học phần cho sinh viên. Sinh viên có thể truy cập vào website của Nhà trường để biết kết quả học tập của sinh viên.

c.2. Nhập kết quả đánh giá học phần vào phần mềm quản lý đào tạo

### **d. Thang điểm**

Sử dụng thang điểm 10, thang điểm chữ (A, A+, B, B+, C, C+, D, D+, F) và thang điểm 4 để đánh giá kết quả học tập của từng học phần, kết quả học tập hàng kỳ, kết quả học tập tích lũy theo khóa học của sinh viên. Qui đổi điểm giữa các thang điểm thực hiện theo bảng sau:

	Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4
Đạt	9,0 ÷ 10,0	A+	4,0
	8,5 ÷ 8,9	A	4,0
	8,0 ÷ 8,4	B+	3,5
	7,0 ÷ 7,9	B	3,0
	6,5 ÷ 6,9	C+	2,5
	5,5 ÷ 6,4	C	2,0
	5,0 ÷ 5,4	D+	1,5
	4,0 ÷ 4,9	D	1,0
Không đạt	0 ÷ 3,9	F	0

## 2. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

### 2.1. Cấu trúc chương trình và phân nhiệm kết quả học tập mong đợi

#### 2.1.1 Khối lượng kiến thức, kỹ năng, năng lực toàn khóa: 124TC

(Không tính các học phần GDTC và GDQP-AN)

- Khối kiến thức, kỹ năng cơ bản (không tính ngoại ngữ, tin học) :19 TC.
- Khối kiến thức, kỹ năng cơ sở: 44 TC.
- Khối kiến thức, kỹ năng chuyên ngành: 35TC.
- Khối kiến thức, kỹ năng tự chọn: 26 TC.

#### 2.1.2 Cấu trúc chương trình đào tạo

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Đáp ứng CDR	TĐNL	Học kỳ	HP học trước
<b>I. KHỐI KIẾN THỨC KHÔNG TÍNH TÍCH LŨY</b>			<b>12</b>				
<b>I.1. Giáo dục thể chất (không tích lũy)</b>			<b>4</b>				
<b>I.2. Giáo dục quốc phòng (không tích lũy)</b>			<b>8</b>				
<b>KHỐI KIẾN THỨC, KỸ NĂNG CƠ BẢN</b>			<b>19</b>				
1	19101	Triết học MLN	3	1.1.3	TU3.5	1	
2	19401	Kinh tế chính trị	2	1.1.3	TU3	2	19101
3	19501	Chủ nghĩa XHKH	2	1.1.3	TU3.5	3	19401
4	19302	Lịch sử ĐCSVN	2	1.1.3	TU3.5	4	19501
5	19201	Tư tưởng HCM	2	1.1.3	TU3.5	5	19302
6	25332	Nhập môn Ngôn ngữ Anh	2	1.1.1	TU 3.0	1	
7	25340	Ngữ pháp TA thực hành 1	2	1.1.2	TU3.5	1	
8	25341	Ngữ pháp TA thực hành 2	2	1.1.2	TU4.0	2	25340

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Đáp ứng CDR	TĐNL	Học kỳ	HP học trước
9	11401	Pháp luật đại cương	2	1.1.3	TU3	2	
<b>KHỐI KIẾN THỨC, KỸ NĂNG CƠ SỞ</b>			<b>43</b>				
1	25339	Ngữ âm cơ bản	2	1.2.3	TU2.5	1	
2	25221	Kỹ năng Đọc hiểu 1	2	1.2.1	T3	1	
3	25222	Kỹ năng Đọc hiểu 2	2	1.2.1	TU3	2	25221
4	25225	Kỹ năng Đọc hiểu 3	2	1.2.1	T3.5	3	25222
5	25226	Kỹ năng Đọc hiểu 4	2	1.2.1	TU3.5	4	25225
6	25227	Kỹ năng Đọc hiểu 5	2	1.2.1	TU4	5	25226
7	25201	Kỹ năng Nghe hiểu 1	2	1.2.2	T3	1	
8	25202	Kỹ năng Nghe hiểu 2	2	1.2.2	TU3	2	25201
9	25205	Kỹ năng Nghe hiểu 3	2	1.2.2	T3.5	3	25202
10	25206	Kỹ năng Nghe hiểu 4	2	1.2.2	TU3.5	4	25205
11	25207	Kỹ năng Nghe hiểu 5	2	1.2.2	TU4	5	25206
12	25211	Kỹ năng Nói 1	2	1.2.3	T3	1	
12	25212	Kỹ năng Nói 2	2	1.2.3	TU3	2	25211
14	25219	Kỹ năng Nói 3	2	1.2.3	T3.5	3	25212
15	25210	Kỹ năng Nói 4	2	1.2.3	TU3.5	4	25219
16	25217E	Thuyết trình nâng cao	3	1.2.3	TU4	5	25210
17	25231	Kỹ năng Viết 1	2	1.2.4	T3	1	
18	25232	Kỹ năng Viết 2	2	1.2.4	TU3	2	25231
19	25239	Kỹ năng Viết 3	2	1.2.4	T3.5	3	25232
20	25236	Kỹ năng Viết 4	2	1.2.4	TU3.5	4	25239
21	25230E	Viết chuyên đề	3	1.2.4	TU4	5	25236
<b>KHỐI KIẾN THỨC, KỸ NĂNG CHUYÊN NGÀNH</b>			<b>38</b>				
1	25456	Tiếng Anh thương mại 1	3	1.3.3	TU2.5	2	25340
2	25307	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	1.3.2	TU2.5	3	
3	25324E	Văn hóa văn minh Anh Mỹ	3	1.3.2	TU3.0	4	25340
4	25333	Dẫn luận ngôn ngữ học	2	1.3.1	TU2.5	4	
5	25311	Biên Dịch 1	3	1.3.4	TU3.5	5	25340
6	25334	Biên Dịch 2	3	1.3.4	TU4	6	25341
7	25315	Phiên Dịch 1	3	1.3.5	TU3.5	5	25340
8	25316	Phiên Dịch 2	3	1.3.5	TU4	6	25341
9	25328E	Ngôn ngữ học tiếng Anh 1	3	1.3.1	TU3.0	5	25340
10	25329E	Ngôn ngữ học tiếng Anh 2	3	1.3.1	TU3.0	6	25328E
11	25325E	Giao thoa văn hoá	3	1.3.2	TU3	6	
12	25330	Thực tập tốt nghiệp	4	1.4.1	U4	7	
<b>KHỐI KIẾN THỨC, KỸ NĂNG TỰ CHỌN</b>			<b>26</b>				
1	25251	Tiếng Nhật 1	3			2	
2	25256	Tiếng Trung 1	3			2	

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Đáp ứng CDR	TĐNL	Học kỳ	HP học trước
3	25259	Tiếng Hàn 1	3			2	
4	17102	Tin học VP	3			2	
5	25254	Tiếng Nhật 2	3			3	
6	25257	Tiếng Trung 2	3			3	
7	25260	Tiếng Hàn 2	3			3	
8	25454E	Làm việc trong MT đa VH	3			3	
9	25457	Tiếng Anh thương mại 2	3			3	
10	25255	Tiếng Nhật 3	3			4	
11	25258	Tiếng Trung 3	3			4	
12	25263	Tiếng Hàn 3	3			4	
13	25451E	Logistics	3			4	
14	25450E	Giao tiếp thương mại	2			4	
15	29102	Kỹ năng mềm 2 (Soft skills)	2			4	
16	25452E	Pháp luật kinh doanh	3			5	
17	25453E	Marketing	3			5	
18	25338E	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh	3			5	
19	25455E	Kinh tế hàng hải	3			5	
20	25448E	Du lịch và khách sạn	3			6	
21	25327E	Phương pháp nghiên cứu KH	3			6	
22	25331	Khóa luận tốt nghiệp	6			8	
23	25342E	Viết luận nâng cao	3			8	
24	25336	Chuyên đề Phiên dịch	3			8	
25	25335	Chuyên đề Biên dịch	3			8	

**Mô tả giảng dạy kỹ năng, thái độ**

X.x	Mô tả (chủ đề và mức độ giảng dạy)	TĐNL
<b>2.1.Lập luận phân tích và giải quyết vấn đề</b>	<b>Mô tả (chủ đề và mức độ giảng dạy)</b>	<b>TĐNL</b>
2.1.1 Xác định và nêu vấn đề	Hiểu rõ quy trình lập luận phân tích và giải quyết vấn đề (Xác định vấn đề cần giải quyết, Liệt kê và phân loại các yếu tố tác động lên vấn đề; Phân tích tác động của các yếu tố lên vấn đề; Đưa ra các giải pháp để giải quyết vấn đề)	2.0
2.1.2 Ước lượng và phân tích định tính vấn đề		
2.1.3 Các giải pháp và khuyến nghị		
	Thực hiện lập luận phân tích và giải quyết một vấn đề đơn giản (một bài tập mẫu, một vấn đề có ít các yếu tố tác động,...)	3.0
	Thực hiện lập luận phân tích và giải quyết một vấn đề phức tạp (một vấn đề chịu nhiều yếu tố tác động và các giải pháp cần đảm bảo theo nhiều yêu cầu)	3.5

	Thực hiện lập luận phân tích và giải quyết một vấn đề tổng quan bao gồm nhiều vấn đề nhỏ	4.0
<b>2.2. Tư duy tâm hệ thống</b>	<b>Mô tả (chủ đề và mức độ giảng dạy)</b>	<b>TĐNL</b>
2.2.1 Tư duy toàn cục 2.1.2 Sắp xếp trình tự ưu tiên và tập trung	Hiểu rõ cách thức tư duy một cách hệ thống (Xác định cấu trúc và chức năng của hệ thống; Xác định tương tác của các yếu tố trong hệ thống và các yếu tố bên ngoài đến hệ thống; Phân loại các yếu tố trong hệ thống và xác định các yếu tố then chốt và cách thức xử lý các yếu tố này)	2.0
	Thực hiện xác định cấu trúc và chức năng của một hệ thống; xác định tương tác của các yếu tố trong hệ thống và các yếu tố bên ngoài đến hệ thống.	3.0
	Thực hiện phân tích một hệ thống và xác định các yếu tố then chốt trong hệ thống và các giải pháp để đảm bảo thực hiện yêu cầu chung của hệ thống	3.0
<b>2.3. Thái độ, tư tưởng và học tập</b>	<b>Mô tả (chủ đề và mức độ giảng dạy)</b>	<b>TĐNL</b>
2.3.1 Kiên trì, sẵn sàng và quyết tâm, tháo vát và linh hoạt	Nhận thức được các thái độ, tư tưởng cần thiết trong học tập và làm việc	2.0
2.3.2 Tư duy suy xét	Xác định được các động lực rèn luyện các thái độ, tư tưởng cần thiết trong học tập và làm việc	2.5
2.3.3 Học tập và rèn luyện suốt đời	Đưa ra một vấn đề, diễn giải được các lập luận logic (và biện chứng) và các giải pháp	3.0
	Thực hiện rèn luyện bản thân về nhận thức, tư tưởng, nâng cao khả năng tư duy đánh giá	3.0
<b>2.4. Đạo đức, công bằng và các trách nhiệm khác</b>	<b>Mô tả (chủ đề và mức độ giảng dạy)</b>	<b>TĐNL</b>
2.4.1 Đạo đức, liêm chính và các trách nhiệm khác	Nhận thức được trách nhiệm và các chuẩn mực cần thiết trong xã hội	2.0
2.4.2 Hành xử chuyên nghiệp	Nhận thức được thái độ và các cách hành xử chuyên nghiệp trong công việc	2.5
	Thực hiện rèn luyện tuân theo các trách nhiệm và các hành xử trong xã hội	3.0
	Thực hiện rèn luyện các thái độ và các cách hành xử chuyên nghiệp trong công việc	3.0
<b>3.1 Làm việc nhóm</b>	<b>Mô tả (chủ đề và mức độ giảng dạy)</b>	<b>TĐNL</b>
3.1.1 Tổ chức nhóm hiệu quả	Tổ chức các nhóm nhỏ trong thời gian ngắn thảo luận và trình bày về một vấn đề; giảng dạy cách thức tổ chức thảo luận nhóm và phân công nhiệm vụ trong nhóm	2.0
3.1.2 Hoạt động nhóm	Tổ chức các nhóm nhỏ trong thời gian ngắn trình bày về một vấn đề; giảng dạy cách thức tổ chức thảo luận nhóm và phân công nhiệm vụ trong nhóm, cách thức	2.5

	đánh giá nhóm và giải quyết vấn đề	
	Tổ chức các nhóm nhỏ trong một nửa học kỳ; yêu cầu nhóm phải hoàn thành các quy trình khai thác	3.0
	Tổ chức các nhóm trung bình trong một học kỳ; yêu cầu nhóm phải hoàn thành các quy trình khai thác và thực hiện được theo quy trình đã đưa ra	3.0
<b>3.2 Giao tiếp</b>	<b>Mô tả (chủ đề và mức độ giảng dạy)</b>	<b>TĐNL</b>
3.2.1 Giao tiếp bằng văn bản 3.2.2 Giao tiếp điện tử/ đa truyền thông	Viết các báo cáo cá nhân, ngắn, theo mẫu	2.0
	Viết các bài luận nghiên cứu, báo cáo báo cáo nhóm nhỏ	2.5
	Thiết kế các bài thuyết trình điện tử, biết cách thuyết trình cá nhân, theo nhóm	3.0
	Thực hiện giao tiếp bằng văn bản viết (email, memo, note...), nói (thuyết trình, điện thoại, phiên dịch...)	3.0
<b>3.3. Giao tiếp bằng ngoại ngữ</b>	<b>Mô tả (chủ đề và mức độ giảng dạy)</b>	<b>TĐNL</b>
3.3.1 Tiếng Nhật/Trung/Hàn	- Có thể hiểu và giao tiếp được ở mức độ cơ bản	
<b>4.1. Bối cảnh bên ngoài xã hội</b>	<b>Mô tả (chủ đề và mức độ giảng dạy)</b>	<b>TĐNL</b>
4.1.1 Vai trò và trách nhiệm của cử nhân ngôn ngữ Anh	Nhận thức được bản chất đa dạng về văn hóa và lịch sử của xã hội loài người, sự quốc tế hóa của hoạt động con người	2.0
4.1.2 Bối cảnh lịch sử và văn hóa và phát triển quan điểm toàn cầu	Xác định được vai trò và trách nhiệm của cử nhân Ngôn ngữ Anh đối với xã hội	2.0
<b>4.2. Bối cảnh doanh nghiệp và kinh doanh</b>	<b>Mô tả (chủ đề và mức độ giảng dạy)</b>	<b>TĐNL</b>
4.2.1 Tôn trọng các nền văn hóa doanh nghiệp khác nhau	Nhận thức được sự khác biệt về quy trình, văn hóa, và yêu cầu về kỹ luật trong các nền văn hóa doanh nghiệp khác nhau	2.0
4.2.2 Các bên liên quan	Phân biệt các bên liên quan và các bên thụ hưởng (chủ sở hữu, nhân viên, khách hàng, v.v.)	2.0

**2.2 Ma trận các học phần và kỹ năng, thái độ**

Học kỳ	Mã HP	Tên HP	Số TC	Chủ đề CDR và các TĐNL được phân bổ cho học phần																		
				2.1 1	2.1 2	2.1 3	2.2 1	2.2 2	2.3 1	2.3 2	2.3 3	2.4 1	2.4 2	3.1 1	3.1 2	3.2 1	3.2 2	3.3 1	4.1 1	4.1 2	4.2 1	4.2 2
1	25332	Nhập môn ngành NNA	3	IT2					IT2		IT2			IT2		IT2	IT2		IT2			
	25221	Kỹ năng Đọc hiểu 1	2	U2							T2		T2		IT2							
	25201	Kỹ năng Nghe hiểu 1	2		T2					T2												
	25211	Kỹ năng Nói 1	2	U2				T2						IT2						T2		
	25231	Kỹ năng Viết 1	2	U2			T2			U2			U2			IT2	TU2					
	25340	Ngữ pháp TA TH 1	2	U2	U2						U2											
	19101	Triết học MLN	3			TU2								TU2	TU 2	TU2						
	25339	Ngữ âm cơ bản	2	U2			U2		TU2		U2											
2	25222	Kỹ năng Đọc hiểu 2	2	TU2 .5						U2	TU 2.5				U2	U2	U2					
	25202	Kỹ năng Nghe hiểu 2	2		TU2 .5					U2												
	25212	Kỹ năng Nói 2	2	U2.5		U2		U2	U2	U2			U2	U2						U2		
	25232	Kỹ năng Viết 2	2	U2.5		U2		U2		U2	U2. 5		U2			U2	U2				TU2	
	19401	Kinh tế chính trị	3	T3							T3											
	25456	Tiếng Anh thương mại 1	3			U2				U2		BỎ		U2	U2		U2				U2	
	11401	Pháp luật đại cương	2									T2										
	25341	Ngữ pháp TA TH 2	2	U3	U2.						U3											

Học kỳ	Mã HP	Tên HP	Số TC	Chủ đề CDR và các TĐNL được phân bổ cho học phần																		
				2.1 1	2.1 2	2.1 3	2.2 1	2.2 2	2.3 1	2.3 2	2.3 3	2.4 1	2.4 2	3.1 1	3.1 2	3.2 1	3.2 2	3.3 1	4.1 1	4.1 2	4.2 1	4.2 2
					5																	
3	25225	Kỹ năng Đọc hiểu 3	2	TU3						T2.5	U3				TU 2.5	TU2 .5	TU2 .5					
	25205	Kỹ năng Nghe hiểu 3	2		T3					U2.5	U3											
	25219	Kỹ năng Nói 3	2	U3		T2.5		T2. 5	U2	U2.5			T2.5	T2.5								
	25239	Kỹ năng Viết 3	2	U3		T2.5		U2. 5	TU2 .5	U2.5	U3		U2.5							U2		
	19501	Chủ nghĩa XHKH	2							T3						U3	U3					
	25307	Cơ sở VH VN	2										U2.5		U2. 5					U2		
	25324E	Văn hóa VM Anh Mỹ	3	U3.5		U3									U2. 5					U2	U2	
4	25226	Kỹ năng Đọc hiểu 4	2	T3.5			U2	U2. 5		U2.5	U2. 5				U2. 5	U2.5	U2. 5					
	25206	Kỹ năng Nghe hiểu 4	2		T3.5		U2	U2. 5		U2.5	U2. 5											
	25210	Kỹ năng Nói 4	2	U3.5		T3	U2		U2. 5	U2.5		U2.5	U2.5	U2. 5								
	25236	Kỹ năng Viết 4	2	U3.5		U3	U2			U2.5			T3			U2.5	U2. 5					
	25324E	Văn hóa VM Anh Mỹ	3	U3.5		U3									U2. 5							
	19302	Lịch sử ĐCSVN	2						T3			T3										
	25333	Dẫn luận ngôn ngữ học	2	U3.5	U3. 5										U2. 5							
5	25227	Kỹ năng Đọc hiểu 5	2	TU4			U2			T3	U2. 5			TU3	T3	TU3	TU3					
	25207	Kỹ năng Nghe hiểu 5	2		T4		U2			U3				U3	U3						TU2	



Học kỳ	Mã HP	Tên HP	Số TC	Chủ đề CDR và các TĐNL được phân bổ cho học phần																		
				2.1 1	2.1 2	2.1 3	2.2 1	2.2 2	2.3 1	2.3 2	2.3 3	2.4 1	2.4 2	3.1 1	3.1 2	3.2 1	3.2 2	3.3 1	4.1 1	4.1 2	4.2 1	4.2 2
	25230E	Viết chuyên đề	3	U4		U3	U2	U3		U3				U3	U3	U3	U3					U2
	25328E	Ngôn ngữ học TA 1	3	U4	U4									U3								
	25311	Biên dịch 1	3	U4		U3																
	25315	Phiên dịch 1	3	U4		U3						TU3	U3		U3							
	19201	Tư tưởng HCM	2							T3	U3											
<b>6</b>	25329E	Ngôn ngữ học TA 2	3	U4	U4									U3								
	25334	Biên dịch 2	3	U4														U2				
	25312	Phiên dịch 2	3			U3				U3				U3				U2				
	25217E	Thuyết trình nâng cao	3							U3		U3		U3								U2
	25325E	Giao thoa văn hóa	3	U4										U3				U2	U2			
<b>7</b>	25330	Thực tập tốt nghiệp	3				U2	U3				U3	U3	U3				U2			U2	U2
		Chứng chỉ MOS																				
		Chứng chỉ IELTS																				
				<b>4.0</b>	<b>4.0</b>	<b>3.0</b>	<b>2.0</b>	<b>3.0</b>	<b>3.0</b>	<b>3.0</b>	<b>3.0</b>	<b>3.0</b>	<b>3.0</b>	<b>3.0</b>	<b>3.0</b>	<b>3.0</b>	<b>3.0</b>		<b>2.0</b>	<b>2.0</b>	<b>2.0</b>	<b>2.0</b>

**Đánh giá năng lực của sinh viên**

Học kỳ	Chủ đề chuẩn đầu ra và các TĐNL																		
	2.1			2.2		2.3			2.4		3.1		3.2		3.3	4.1		4.2	
	2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.2.1	2.2.2	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.4.1	2.4.2	3.1.1	3.1.2	3.2.1	3.2.2	3.3.1	4.1.1	4.1.2	4.2.1	4.2.2
1	2.0					2.0	2.0	2.0	2.0	2.0						2.0	2.0		
2	2.5	2.0		2.0	2.0	2.0	2.0	2.0	2.0	2.0					2.5				
3	3.0	2.0	2.0	2.0	2.0	2.0	2.0	2.0	2.0	2.0			2.5	2.5	3.0	2.0	2.0	2.0	2.0
4	3.5	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	2.0	2.0	2.0	2.0	3.0	3.0	3.5				
5	4.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	2.5	2.5	2.0	2.0				2.0	2.0	2.0	2.0
6	4.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0					
7	4.0	3.5	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0								2.0	2.0	2.0	2.0
<b>CDR của CTĐT</b>	<b>4.0</b>	<b>4.0</b>	<b>3.0</b>	<b>2.0</b>	<b>3.0</b>	<b>3.0</b>	<b>3.0</b>	<b>3.0</b>	<b>3.0</b>	<b>3.0</b>	<b>3.0</b>	<b>3.0</b>	<b>3.0</b>	<b>3.0</b>	<b>3.5</b>	<b>2.0</b>	<b>2.0</b>	<b>2.0</b>	<b>2.0</b>

## 2.3. Kế hoạch học tập toàn khóa

### Học kỳ I

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH/ XM	BTL	ĐA	Loại HP	HP học trước
<b>Bắt buộc</b>			<b>17</b>						
1	25332	Nhập môn ngành NNA	2	30				I	
2	25221	Kỹ năng Đọc hiểu 1	2	30				I	
3	25201	Kỹ năng Nghe hiểu 1	2	30				I	
4	25211	Kỹ năng Nói 1	2	30				I	
5	25231	Kỹ năng Viết 1	2	30				I	
6	25340	Ngữ pháp TA thực hành 1	2	30				I	
7	19101	Triết học MLN	3	45				I	
8	25339	Ngữ âm cơ bản	2	30				I	
<b>Tự chọn</b>			<b>0</b>						

### Học kỳ II

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH/ XM	BTL	ĐA	Loại HP	HP học trước
<b>Bắt buộc</b>			<b>17</b>						
1	25222	Kỹ năng Đọc hiểu 2	2	30				I	25221
2	25202	Kỹ năng Nghe hiểu 2	2	30				I	25201
3	25212	Kỹ năng Nói 2	2	30				I	25211
4	25232	Kỹ năng Viết 2	2	30				I	25231
5	19401	Kinh tế chính trị	2	30				I	19101
6	25456	Tiếng Anh thương mại 1	3	45				I	25340
7	11401	Pháp luật đại cương	2	30				I	
8	25341	Ngữ pháp TA thực hành 2	2	30				I	25340
<b>Tự chọn</b>			<b>3</b>						
1	25251	Tiếng Nhật 1	3	45				I	
2	25256	Tiếng Trung 1	3	45				I	
3	25259	Tiếng Hàn 1	3	45				I	
4	17102	Tin học văn phòng	3	45				I	

### Học kỳ III

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH/ XM	BTL	ĐA	Loại HP	HP học trước
<b>Bắt buộc</b>			<b>15</b>						
1	25225	Kỹ năng Đọc hiểu 3	2	30				I	25222
2	25205	Kỹ năng Nghe hiểu 3	2	30				I	25202
3	25219	Kỹ năng Nói 3	2	30				I	25212

4	25239	Kỹ năng Viết 3	2	30				I	25232
5	19501	Chủ nghĩa XHKH	2	30				I	19101, 19401
6	25307	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	30				I	
7	25324E	Văn hóa VM Anh Mỹ	3	45				I	25340
<b>Tự chọn</b>			<b>6</b>						
1	25254	Tiếng Nhật 2	3	45				I	
2	25257	Tiếng Trung 2	3	45				I	
3	25260	Tiếng Hàn 2	3	45				I	
4	25454E	LV trong MT đa VH	3	45				I	
5	25457	Tiếng Anh thương mại 2	3	45				I	

#### Học kỳ IV

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH/ XM	BTL	ĐA	Loại HP	HP học trước
<b>Bắt buộc</b>			<b>12</b>						
1	25226	Kỹ năng Đọc hiểu 4	2	30				I	25225
2	25206	Kỹ năng Nghe hiểu 4	2	30				I	25205
3	25210	Kỹ năng Nói 4	2	30				I	25219
4	25236	Kỹ năng Viết 4	2	30				I	25239
5	19201	Tư tưởng HCM	2	30				I	?
6	25333	Dẫn luận ngôn ngữ học	2	30				I	
<b>Tự chọn</b>			<b>5</b>						
1	25255	Tiếng Nhật 3	3	45				I	
2	25258	Tiếng Trung 3	3	45				I	
3	26263	Tiếng Hàn 3	3	45				I	
4	25451E	Logistics	3	45				I	
5	25333	Giao tiếp thương mại	2	30				I	
6	29102	Kỹ năng mềm 2	2	30				I	

#### Học kỳ V

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH/ XM	BTL	ĐA	Loại HP	HP học trước
<b>Bắt buộc</b>			<b>18</b>						
1	25227	Kỹ năng Đọc hiểu 5	2	30				I	25226
2	25207	Kỹ năng Nghe hiểu 5	2	30				I	25206
3	25230E	Viết chuyên đề	3	45				III	25236
4	25328E	Ngôn ngữ học tiếng Anh 1	3	45				I	25340
5	25311	Biên dịch 1	3	45				I	25340
6	25315	Phiên dịch 1	3	45				I	25340
	19203	Lịch sử ĐCS VN	2	30				I	19101,

									19401, 19501
<b>Tự chọn</b>			<b>3</b>						
1	25452E	Pháp luật kinh doanh	3	45				I	
2	25453E	Marketing	3	45				I	
3	25338E	Phương pháp giảng dạy TA	3	45				I	

### Học kỳ VI

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH/ XM	BTL	ĐA	Loại HP	HP học trước
<b>Bắt buộc</b>			<b>18</b>						
1	25329E	Ngôn ngữ học tiếng Anh 2	3	45				I	25328E
2	25334	Biên dịch 2	3	45				I	25341
3	25316	Phiên dịch 2	3	45				I	25341
4	25325E	Giao thoa văn hóa	3	45				I	
5	25217E	Thuyết trình nâng cao	3	45				III	25210
<b>Tự chọn</b>			<b>3</b>						
1	25327E	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	45				I	
2	25455E	Kinh tế hàng hải	3	45				I	
3	25448E	Du lịch và khách sạn	3	45				I	

### Học kỳ VII

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH/ XM	BTL	ĐA	Loại HP	HP học trước
<b>Bắt buộc</b>			<b>4</b>						
1	25330	Thực tập tốt nghiệp	4			60		II	

### Học kỳ VIII

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH/ XM	BTL	ĐA	Loại HP	HP học trước
<b>Tự chọn</b>			<b>6</b>						
1	25331	Khóa luận tốt nghiệp	6				90	II	
2	25342E	Viết luận nâng cao	3	45				III	
3	25336	Chuyên đề Phiên dịch	3	45				I	
4	25335	Chuyên đề Biên dịch	3	45				I	

## **2.4. Tóm tắt các học phần**

### **KHỐI KIẾN THỨC, KỸ NĂNG CƠ BẢN**

#### **2.4.1. Triết học Mác-Lênin**

**3TC**

- Điều kiện tiên quyết: không.

- Nội dung học phần:

- Vị trí học phần: Nằm trong hệ thống các môn khoa học lý luận chính trị của Chủ nghĩa Mác-Lênin

- Mục đích: Xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các khoa học chuyên ngành đào tạo.

- Nội dung: Bao quát những nội dung cơ bản về thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận của triết học Mác - Lênin.

#### **2.4.2. Kinh tế chính trị Mác - Lênin**

**2TC**

- Điều kiện tiên quyết: Sinh viên phải học xong học phần Triết học Mác - Lênin.

- Nội dung học phần:

Học phần Kinh tế Chính trị Mác - Lênin cung cấp những tri thức kinh tế chính trị Mác - Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và những vấn đề kinh tế chính trị của thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam. Từ đó, giúp sinh viên có khả năng xác định các vấn đề thực tiễn liên quan đến học phần và tích cực học tập để nâng cao nhận thức về trách nhiệm của bản thân với công cuộc phát triển kinh tế đất nước.

#### **2.4.3 Chủ nghĩa xã hội khoa học**

**2 TC**

- Điều kiện tiên quyết: Sinh viên đã học xong học phần "Triết học", "Kinh tế chính trị"

- Nội dung học phần:

- Vị trí học phần: Nằm trong hệ thống các môn khoa học lý luận chính trị của Chủ nghĩa Mác-Lênin.

- Mục đích: Cùng với các môn khoa học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh và các môn học khác giúp sinh viên có nhận thức tổng hợp, toàn diện về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Từ đó hiểu biết nền tảng tư tưởng của Đảng, xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên. Giúp cho sinh viên xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các khoa học chuyên ngành đào tạo.

Học phần có 7 chương ,bao gồm những nội dung cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học, cung cấp cho sinh viên những căn cứ lý luận khoa học để hiểu Cương lĩnh xây dựng đất nước, đường lối chính sách xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; lý giải và có thái độ đúng đắn với con đường đi lên chủ nghĩa xã hội - con đường mà Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn.

- Kiến thức của học phần này, làm cơ sở cho sinh viên tiếp cận, tìm hiểu tốt hơn nội dung học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh và Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

#### **2.4.4. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam**

**2TC**

- Điều kiện tiên quyết của học phần:

- Mô tả nội dung học phần:

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam cung cấp những kiến thức cơ bản về việc ra đời của Đảng và sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam từ năm 1930 đến nay. Từ đó, giúp sinh viên chủ động nhận thức, tôn trọng lịch sử, sự thật khách quan và biết cách tìm hiểu thông tin qua lựa chọn tư liệu, tài liệu nghiên cứu để giải quyết vấn đề trong thực tiễn theo đường lối của Đảng.

#### **2.4.5 Tư tưởng Hồ Chí Minh**

**2TC**

- Điều kiện tiên quyết của học phần: Sinh viên đã học xong học phần Triết học Mác - Lênin, Kinh tế chính trị học Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học.

- Mô tả nội dung học phần:

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh cung cấp những nội dung cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh. Từ đó, giúp cho sinh viên có được tư duy đúng đắn, có khả năng nhận thức và áp dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào quá trình học tập, rèn luyện và tu dưỡng bản thân.

#### **2.4.6 Nhập môn Ngôn ngữ Anh**

**2TC**

- Điều kiện tiên quyết của học phần: Không

- Mô tả nội dung học phần:

Học phần giới thiệu cho sinh viên kiến thức chung về khái niệm cử nhân Ngôn ngữ Anh, trang bị cho các cử nhân tương lai về vai trò trách nhiệm, đạo đức của người biên, phiên dịch tiếng Anh. Nội dung môn học sẽ cung cấp cho sinh viên các khái niệm căn bản về ngôn ngữ Anh, ngôn ngữ học, văn hóa, trang bị cho sinh viên những kỹ năng mềm cần thiết như làm việc theo nhóm, kỹ năng giao tiếp, tư duy phản biện, kỹ năng viết văn bản.. giúp sinh viên có phương pháp học tập tốt khi học tập trong nhà trường và có kiến thức sâu, tác phong thái độ tốt khi đi làm sau khi tốt nghiệp.

#### **2.4.7 Ngữ pháp tiếng Anh thực hành 1**

**2TC**

- Điều kiện tiên quyết của học phần: Không

- Mô tả nội dung học phần: Môn Ngữ pháp thực hành nằm trong khối kiến thức và lập luận ngành của chương trình đào tạo sinh viên chuyên ngữ ngành Tiếng Anh thương mại và ngôn ngữ Anh.

Mục đích của môn học là cung cấp những kiến thức ngữ pháp tiếng Anh cơ bản cho sinh viên chuyên ngữ ở mức độ B2

Môn học gồm các nội dung chính như hệ thống các thì và hình thái động từ, động từ tình thái, câu điều kiện, so sánh, câu bị động, mệnh đề quan hệ, đảo ngữ... trong tiếng Anh.

#### **2.4.8 Ngữ pháp tiếng Anh thực hành 2**

**2TC**

- Điều kiện tiên quyết của học phần: Ngữ pháp tiếng Anh thực hành 1
- Mô tả nội dung học phần: Mục đích của môn học là cung cấp những kiến thức ngữ pháp tiếng Anh nâng cao cho sinh viên chuyên ngữ ở mức độ C1.

Môn học gồm các nội dung chính như hệ thống các thì động từ, động từ tình thái, câu điều kiện, câu bị động, các loại mệnh đề... trong tiếng Anh.

#### **2.4.9 Pháp luật đại cương**

**2TC**

- Điều kiện tiên quyết của học phần: Nguyên lý cơ bản 1
- Mô tả nội dung học phần: Pháp luật đại cương là môn học cơ sở bắt buộc nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật, đặc biệt là hệ thống pháp luật Việt Nam. Để đạt được mục đích này, nội dung chính yếu của môn học bao gồm: nguồn gốc, bản chất, hình thức, bộ máy của nhà nước; nguồn gốc, bản chất, chức năng, hình thức của pháp luật; quy phạm pháp luật; văn bản quy phạm pháp luật; quan hệ pháp luật; vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý; hệ thống pháp luật Việt Nam thông qua giới thiệu một số ngành luật cơ bản như Hiến pháp, Hành chính, Hình sự, Tố tụng Hình sự, Dân sự, Lao động và các vấn đề về pháp luật Phòng chống tham nhũng.

### **KHỐI KIẾN THỨC, KỸ NĂNG CƠ SỞ**

#### **2.4.10 Kỹ năng Đọc hiểu 1**

**2TC**

- Điều kiện tiên quyết của học phần: Không
- Mô tả nội dung học phần: Học phần cung cấp vốn từ vựng và kiến thức nền về các chủ đề mang tính xã hội, các vấn đề liên quan đến môi trường, nghệ thuật, ngôn ngữ như: ‘Arts and Leisure’, ‘Culture and History’, ‘Environment’, ‘Health’, ... Học phần tiếp tục củng cố và thực hành các kỹ năng đọc hiểu: dự đoán trước nội dung và từ vựng của bài đọc, xác định câu chủ đề và ý chính, lập dàn ý dùng sơ đồ trí tuệ (mindmap), đoán nghĩa từ, đọc lướt, suy luận, tóm tắt nội dung văn bản, ghi chú theo trình tự thời gian khi đọc.

#### **2.4.11 Kỹ năng Đọc hiểu 2**

**2TC**

- Điều kiện tiên quyết của học phần: Kỹ năng Đọc hiểu 1
- Mô tả nội dung học phần: Học phần cung cấp vốn từ vựng và kiến thức nền về các chủ đề mang tính xã hội, các vấn đề liên quan đến môi trường, nghệ thuật, ngôn ngữ như: ‘Arts and Leisure’, ‘Culture and History’, ‘Environment’, ‘Health’, ... Học phần tiếp tục củng cố và thực hành các kỹ năng đọc hiểu: dự đoán trước nội dung và từ vựng của bài đọc, xác định câu chủ đề và ý chính, lập dàn ý dùng sơ đồ trí tuệ (mindmap), đoán nghĩa từ, đọc lướt, suy luận, tóm tắt nội dung văn bản, ghi chú theo trình tự thời gian khi đọc.

#### **2.4.12 Kỹ năng Đọc hiểu 3**

**2TC**

- Điều kiện tiên quyết của học phần: Kỹ năng Đọc hiểu 2



- Mô tả nội dung học phần: Học phần cung cấp vốn từ vựng và kiến thức nền về các chủ đề mang tính học thuật, kinh tế, xã hội như: ‘Great places to be’, ‘People’s lives’, ‘Getting from A to B’, ‘It was all new once’, ‘Animal world’, ‘Being Human’, ‘Literacy skills’. Với mỗi chủ đề này, học phần chú trọng thực hành các kỹ năng đọc hiểu quan trọng như: Đọc hiểu không cần biết nghĩa các từ; phân tích đoạn văn tìm ý chính và thông tin chi tiết; tìm định nghĩa của các cụm từ quan trọng; đọc các bảng biểu để tìm thông tin; xác định cấu trúc, bối cảnh, các nhân vật, giọng điệu của bài đọc; tìm kiếm cơ sở để suy diễn; hiểu nghĩa của từ qua ngữ cảnh, qua hậu tố và tiền tố hoặc suy diễn nghĩa của từ thông qua các từ đồng nghĩa, gần nghĩa và các từ trái nghĩa. Qua đó, sinh viên có thể đạt trình độ đọc hiểu tiếng Anh cấp độ trung cấp và trung cấp nâng cao (Intermediate - Upper Intermediate).

#### **2.4.13 Kỹ năng Đọc hiểu 4**

**2TC**

- Điều kiện tiên quyết của học phần: Kỹ năng Đọc hiểu 3

- Mô tả nội dung học phần: Học phần cung cấp vốn từ vựng và kiến thức nền về các chủ đề mang tính học thuật, kinh tế, xã hội như: ‘Starting somewhere new’, ‘It’s good for you’, ‘Getting the message across’, ‘New media’, ‘The world in our hands’, ‘Making money, spending money’, ‘Relationships’. Với mỗi chủ đề này, học phần chú trọng thực hành các kỹ năng đọc hiểu quan trọng như: tìm kiếm cơ sở để suy diễn, tìm kiếm chứng cứ để phủ nhận những tranh luận sai, đọc và hiểu các bài thơ, đọc nhanh và đọc trôi chảy, hiểu nghĩa của từ dựa vào cấu trúc và văn cảnh, đoán nghĩa của các động từ dựa vào văn cảnh, hiểu nghĩa của từ thông qua từ đồng nghĩa và từ trái nghĩa, hiểu nghĩa của cụm từ chuyên ngành kiến trúc và vẻ đẹp con người dựa vào văn cảnh, nhận biết sự khác biệt giữa tiếng Anh-Anh và tiếng Anh trong các phương ngữ khác, nhận biết sự khác biệt về từ vựng giữa các vùng miền. Qua đó, sinh viên có thể đạt trình độ đọc hiểu trên trung cấp tiếng Anh (Upper Intermediate), tương đương B2 theo Khung tham chiếu Châu Âu (CEFR).

#### **2.4.14 Kỹ năng Đọc hiểu 5**

**2TC**

- Điều kiện tiên quyết của học phần: Kỹ năng Đọc hiểu 4

- Mô tả nội dung học phần: Học phần cung cấp vốn từ vựng và kiến thức nền về các chủ đề xã hội nhưng mang tính học thuật cao như: ‘What is creative thinking’, ‘Why I quit the company’, ‘The body shop’, ‘And the big winner is’, ‘Don’t let stereotypes warp your judgement’. Với mỗi chủ đề này, học phần chú trọng thực hành các kỹ năng đọc hiểu quan trọng đã được học từ các học phần trước đó. Qua đó, sinh viên có thể đạt trình độ đọc hiểu trên trung cấp tiến đến cao cấp về tiếng Anh, tương đương C1 theo Khung tham chiếu Châu Âu (CEFR).

#### **2.4.16 Kỹ năng Nghe 1**

**2TC**

Điều kiện tiên quyết của học phần: Không

- Mô tả nội dung học phần: Học phần cung cấp vốn từ vựng và kiến thức nền về các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống như: ‘Names’, ‘Dates’, ‘Sports and Exercise’, ‘Family’, ‘Entertainment’, ‘Vacation’, và ‘Shopping’. Học phần cũng hướng dẫn và thực hành các kỹ năng nghe hiểu cơ bản như nghe lấy ý chính, nghe lấy thông tin chi tiết thông qua các chủ đề liệt kê ở trên. Qua đó sinh viên có thể đạt trình độ nghe hiểu tiếng Anh cấp độ Sơ trung cấp, A2.

#### **2.4.16 Kỹ năng Nghe 2**

**2TC**

- Điều kiện tiên quyết của học phần: Kỹ năng Nghe 1

- Mô tả nội dung học phần: Học phần cung cấp vốn từ vựng và kiến thức nền về các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống nhưng mang nội dung học thuật hơn trong khi nghe như: “City transportation”, “Celebrations”, “Gifts”, “Air travel”, “Jobs”, “invitations”, “Keeping fits”, “Campus life”, “hobbies and pastimes”, “Hotel services”, “Movies”, “Airports”. Học phần cũng hướng dẫn và thực hành các kỹ năng nghe hiểu cơ bản như nghe lấy ý chính, nghe lấy thông tin chi tiết thông qua các chủ đề liệt kê ở trên. Qua đó sinh viên có thể đạt trình độ nghe hiểu tiếng Anh cấp độ trung cấp, B1

#### **2.4.17 Kỹ năng Nghe 3**

**2TC**

- Điều kiện tiên quyết của học phần: Kỹ năng Nghe 2

- Mô tả nội dung học phần: Học phần cung cấp vốn từ vựng và kiến thức nền về các chủ đề mang tính học thuật, tự nhiên, xã hội như: ‘Great places’, ‘People’s lives’, “It was all new once”, “ Getting from A to B”, ‘Animals World’, ‘Relationship’, và ‘Literacy Skills’. Với mỗi chủ đề này, học phần chú trọng thực hành các kỹ năng nghe hiểu cơ bản và nâng cao như nghe lấy ý chính, nghe lấy thông tin chi tiết, ghi chú khi nghe, nghe lấy từ quan trọng. Qua đó, sinh viên có thể đạt trình độ nghe hiểu tiếng Anh cấp độ trung cấp nâng cao, B1+.

Ngoài ra, từ học phần này sinh viên sẽ được tiếp cận các dạng bài nghe của IELTS ở mức cơ bản nhất, từ đó có thể luyện tập dạng bài để đạt chứng chỉ chuẩn đầu ra IELTS.

#### **2.4.18 Kỹ năng Nghe 4**

**2TC**

- Điều kiện tiên quyết của học phần: Kỹ năng Nghe 3

- Mô tả nội dung học phần: Học phần cung cấp vốn từ vựng và kiến thức nền về các chủ đề mang tính học thuật, kinh tế, xã hội như: ‘Great places’, ‘People’s lives’, ‘Animals World’, ‘Tourist attraction’, ‘Building designs” và ‘Literacy Skills’ Học phần cũng hướng dẫn và thực hành các kỹ năng nghe hiểu phục vụ các bài thi học thuật như : dự đoán trước khi nghe, nghe trả lời câu hỏi, nghe để điền thông tin, nghe để nối, nghe để chọn thông tin chính... thông qua các chủ đề liệt kê ở trên. Qua đó sinh viên có thể đạt trình độ nghe hiểu tiếng Anh cấp độ trung cấp cao cấp B2

#### **2.4.19 Kỹ năng Nghe 5**

**2TC**

- Điều kiện tiên quyết của học phần: Kỹ năng Nghe 4

- Mô tả nội dung học phần: Học phần cung cấp vốn từ vựng và kiến thức nền về các chủ đề mang tính học thuật, kinh tế, xã hội như: ‘On the move’, ‘Being young’, ‘At the office’, ‘Migration’, ‘Local languages’ hay những chủ đề thông thường như ‘Family structure’ hay ‘Starting University’. Học phần cũng hướng dẫn và thực hành các kỹ năng nghe hiểu phục vụ các bài thi học thuật như: dự đoán trước khi nghe, nghe trả lời câu hỏi, nghe để điền thông tin, nghe để nói, nghe để chọn thông tin chính.... thông qua các chủ đề liệt kê ở trên. Qua đó sinh viên có thể đạt trình độ nghe hiểu tiếng Anh cao cấp, C1

Học phần ngoài phần ôn tập lại những kỹ năng đã được học trong các học phần nghe 1,2,3,4 còn phát triển các kỹ năng nghe theo hướng bài thi chuẩn quốc tế., đặc biệt là bài thi theo chuẩn IELTS

#### **2.4.20 Kỹ năng Nói 1**

**2TC**

- Điều kiện tiên quyết của học phần: Không

- Mô tả nội dung học phần: Học phần bao quát các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống như: Meeting people, Restaurant, Health, Banks and post office, travel, schedule. Với mỗi chủ đề, học phần hướng dẫn sinh viên chuẩn bị từ vựng, cung cấp kiến thức nền, cung cấp câu trả lời mẫu, tổ chức sinh viên làm việc độc lập, làm việc tương tác theo cặp, nhóm để thực hành các kỹ năng nói sau:

- Kỹ năng nói độc thoại 1: Mô tả (người, vật, hoạt động, địa điểm).
- Kỹ năng nói độc thoại 2: Lập luận (argumentative), trình bày ý kiến kèm theo chuỗi lập luận và ví dụ.
- Kỹ năng nói tương tác 1: Hội thoại về chủ đề quen thuộc, phỏng vấn, trả lời phỏng vấn, cung cấp thông tin cụ thể được yêu cầu.
- Kỹ năng nói tương tác 2: Các mục đích giao tiếp: lời mời, đề nghị, xin lỗi, cảm ơn, đề nghị giúp đỡ, lập kế hoạch, giao tiếp điện thoại, diễn đạt điều mình thích/không thích, đóng mở hội thoại.

Kết thúc học phần sinh viên có thể đạt trình độ sơ cấp (pre-intermediate), A2+

#### **2.4.21 Kỹ năng Nói 2**

**2TC**

- Điều kiện tiên quyết của học phần: Kỹ năng Nói 1

- Mô tả nội dung học phần: Học phần cung cấp vốn từ vựng và kiến thức nền về các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống như: “home”, “life”, “work”, và một số chủ đề mang tính hàn lâm và trừu tượng như “character”, “extremes” hay “speed”. Với mỗi chủ đề, học phần hướng dẫn sinh viên chuẩn bị từ vựng, cung cấp kiến thức nền, cung cấp câu trả lời mẫu, tổ chức sinh viên làm việc độc lập, làm việc tương tác theo cặp, nhóm để thực hành các kỹ năng nói sau:

- Kỹ năng nói độc thoại 1: Mô tả (người, vật, hoạt động, địa điểm).

- Kỹ năng nói độc thoại 2: Trình bày ý kiến kèm theo chuỗi lập luận và ví dụ.
- Kỹ năng nói tương tác 1: Hội thoại về chủ đề quen thuộc, phỏng vấn, trả lời phỏng vấn, cung cấp thông tin cụ thể được yêu cầu.
- Kỹ năng nói tương tác 2: Thảo luận, đưa ra quan điểm cá nhân, tương tác cùng nhau trong cùng một yêu cầu.

Kết thúc học phần sinh viên có thể đạt trình độ trung cấp, B1

#### 2.4.22 Kỹ năng Nói 3

2TC

- Điều kiện tiên quyết của học phần: Kỹ năng Nói 2
- Mô tả nội dung học phần: Học phần cung cấp vốn từ vựng và kiến thức nền về các chủ đề thông thường nhưng theo hướng học thuật như: **People and relationship, A healthy body, Studies and work, The world around us, Communication, Technology, Hobbies, Youth....**

Với mỗi chủ đề, học phần hướng dẫn sinh viên chuẩn bị từ vựng, cung cấp kiến thức nền, cung cấp câu trả lời mẫu, tổ chức sinh viên làm việc độc lập, làm việc tương tác theo cặp, nhóm để thực hành các kỹ năng nói sau:

- Kỹ năng nói độc thoại 1: kể chuyện, giới thiệu về môi trường xung quanh, tình hình bản thân...
- Kỹ năng nói độc thoại 2: Lập luận (argumentative), trình bày ý kiến kèm theo chuỗi lập luận và ví dụ., thuyết trình
- Kỹ năng nói tương tác 1: Các mục đích giao tiếp: thảo luận, đưa ra ý kiến bản thân, hướng dẫn...

Kết thúc học phần sinh viên có thể đạt trình độ trung cấp, B1+

#### 2.4.23 Kỹ năng Nói 4

2TC

- Điều kiện tiên quyết của học phần: Kỹ năng Nói 3
- Mô tả nội dung học phần: Học phần khai thác những chủ đề cơ bản trong cuộc sống nhưng với tính học thuật cao hơn như ‘Personal’, ‘leisure activities’, ‘equal opportunities’, ‘looking at bigger pictures’... Học phần ngoài phần ôn tập lại những chủ đề đã được học trong các học phần nói 1,2,3 còn phát triển các kỹ năng nói theo hướng bài thi chuẩn quốc tế.

Với mỗi chủ đề, học phần hướng dẫn sinh viên chuẩn bị từ vựng, cung cấp kiến thức nền, cung cấp câu trả lời mẫu, tổ chức sinh viên làm việc độc lập, làm việc tương tác theo cặp, nhóm để thực hành các kỹ năng nói sau:

- Kỹ năng nói độc thoại 1: giới thiệu về bản thân theo hướng học thuật
- Kỹ năng nói độc thoại 2: Lập luận (argumentative), trình bày ý kiến kèm theo chuỗi lập luận và ví dụ., thuyết trình

- Kỹ năng nói tương tác 1: Các mục đích giao tiếp: thảo luận, đưa ra ý kiến bản thân, hướng dẫn...

Kết thúc học phần sinh viên có thể đạt trình độ cao cấp B2

#### **2.4.24 Thuyết trình nâng cao**

**3TC**

- Điều kiện tiên quyết của học phần: Kỹ năng Nói 4
- Mô tả nội dung học phần: This course teaches the basic principles of oral communication and public speaking and offers the opportunity to excel in these areas. It is designed to help students in occupational and social situations by improving self-expression, self-confidence, and self-understanding, while paying attention to the basic elements of organization and delivery.

In successful completion of this course, students will:

- practice basic genres of speeches and compose and present in these forms,
- develop personal communication skills that empower good speakers and listeners,
- plan speeches in light of an ever-evolving relationship between speaker and audience(s),
- study and implement various strategies of argument and organization,
- understand ethical responsibilities in their speeches' content and delivery,
- improve nonverbal delivery skills,
- and provide constructive criticism for the work of their peers.

#### **2.4.25 Kỹ năng Viết 1**

**2TC**

- Điều kiện tiên quyết của học phần: Không
- Mô tả nội dung học phần: Học phần nhằm rèn luyện sinh viên khả năng sử dụng tiếng Anh có hiệu quả trong việc xây dựng câu và viết thư theo một số chủ điểm ở trình độ Sơ trung cấp (Pre-Intermediate). Đây là khối lượng tiếng Anh nằm trong khối lượng kiến thức chung cơ bản tiến tới mở rộng và nâng cao kiến thức và kỹ năng thực hành tiếng.

#### **2.4.26 Kỹ năng Viết 2**

**2TC**

- Điều kiện tiên quyết của học phần: Kỹ năng Viết 1
- Mô tả nội dung học phần: Học phần tiếp tục giới thiệu về quy trình viết tiếng Anh học thuật bao gồm: Củng cố hệ thống kỹ năng viết đã học trong học phần Kỹ năng Viết 1: ôn luyện lại các dạng câu và cấu trúc phổ biến; luyện tập dạng thư trang trọng.

Giới thiệu cách viết Tiếng Anh học thuật bao gồm: cấu trúc đoạn văn, cách viết câu chủ đề, các câu nội dung và câu kết, các cách tạo ra sự liên kết và mạch lạc trong đoạn văn, trật tự logic trong đoạn văn, cách triển khai nội dung; học các dạng đoạn văn khác nhau.

### 2.4.27 Kỹ năng Viết 3

2TC

- Điều kiện tiên quyết của học phần: Kỹ năng Viết 2
- Mô tả nội dung học phần: Ngoài ôn tập kiến thức về kỹ năng viết trong học phần Kỹ năng Viết 1 và Kỹ năng Viết 2; học phần Kỹ năng Viết 3 tiếp tục giảng dạy viết Tiếng Anh học thuật với các nội dung sau: Giới thiệu và luyện tập một số dạng đoạn văn theo một hệ thống chủ điểm gắn liền với thực tế cuộc sống xã hội, kinh tế ở cấp độ trung cấp (Intermediate).

Giới thiệu và luyện tập viết bài phân tích số liệu bảng biểu, biểu đồ cột và biểu đồ đường; biểu đồ tròn.

### 2.4.28 Kỹ năng Viết 4

2TC

- Điều kiện tiên quyết của học phần: Kỹ năng Viết 3
- Mô tả nội dung học phần: Ngoài ôn tập kiến thức về kỹ năng viết trong học phần Kỹ năng Viết 1, 2 và Kỹ năng Viết 3; học phần Kỹ năng Viết 4 tiếp tục giảng dạy viết Tiếng Anh học thuật với các nội dung sau:

- Giới thiệu và luyện tập miêu tả một số dạng biểu đồ phức tạp hơn như biểu đồ hỗn hợp, quy trình hay bản đồ... Giúp sinh viên biết cách phân tích các loại biểu đồ, bảng biểu và sử dụng ngôn ngữ phân tích biểu đồ, bảng biểu
- Trang bị cho sinh viên vốn kiến thức về ngữ pháp, và các kỹ năng Viết theo một hệ thống chủ điểm gắn liền với thực tế cuộc sống xã hội, kinh tế ở cấp độ trên trung cấp (Upper - intermediate).
- Giúp sinh viên viết được một bài luận hoàn chỉnh, biết cách sử dụng lập luận, số liệu, dẫn chứng, v.v. để chứng minh cho luận điểm của mình

### 2.4.29 Viết chuyên đề (Advanced writing)

5TC

- Điều kiện tiên quyết của học phần: Kỹ năng Viết 4
- Mô tả nội dung học phần: This course provides students with advanced standing with the theory and practice of expository writing, in order to achieve better grasp of mechanics, coherence, completeness and unity of thought. Students are equipped with those skills needed to refine their writing to an advanced level in Academic Writing.

Upon successfully completion of this course, students will possess:

- Better basic writing skills, through a process of prewriting, drafting, revision and editing.
- Better analytical skills, especially dissecting/researching problems and offering carefully considered explanations/ theories/ solutions.

### 2.4.30 Ngữ âm cơ bản

2TC

- Điều kiện tiên quyết của học phần: Không

- Mô tả nội dung học phần: Học phần nhằm trang bị vốn kiến thức về ngữ âm thực hành cơ bản cho sinh viên chuyên ngữ. Kết thúc học phần, sinh viên có thể nhận biết âm, âm tiết, từ, ngữ, câu và các đoạn hội thoại ngắn trong tiếng Anh, vận dụng các quy tắc phát âm để hoàn thiện phát âm, tự tin hơn khi giao tiếp nói.

## **KHỐI KIẾN THỨC, KỸ NĂNG CHUYÊN NGÀNH**

### **2.4.31 Tiếng Anh thương mại 1**

**3TC**

- Điều kiện tiên quyết của học phần: Ngữ pháp thực hành 1

- Mô tả nội dung học phần: Học phần TATM1 cung cấp cho sinh viên các thuật ngữ tiếng Anh phổ biến và một số kiến thức cơ bản về lĩnh vực kinh tế thương mại qua các chủ đề như: 'Career', 'Companies', 'Great ideas', 'Stress', 'New business', 'Marketing' và 'managing people'. Các nội dung này sẽ được thực hiện thông qua các hoạt động như thảo luận, nghe hiểu, đọc hiểu và thuyết trình. Sinh viên cũng cần áp dụng các kỹ thuật nghe, đọc và nói đã học như: đọc quét, đọc lướt, đoán nghĩa từ để đọc các đoạn văn bản có độ dài 230-370 từ, nghe điền từ, nghe lấy thông tin chi tiết và trả lời câu hỏi đối với các bài nghe có tốc độ vừa phải và ko quá 3 phút; và thảo luận được các ý kiến với các lập luận và ví dụ phù hợp. Ngoài ra sinh viên hiểu và ý thức được rằng có sự khác biệt về văn hóa kinh doanh giữa các quốc gia để có ý thức tìm hiểu và học hỏi.

Kết thúc học phần sinh viên có thể đạt trình độ Sơ trung cấp (Pre-Intermediate) về tiếng Anh thương mại

### **2.4.32 Văn hóa văn minh Anh Mỹ**

**3TC**

- Điều kiện tiên quyết của học phần: Ngữ pháp tiếng Anh thực hành 1

- Mô tả nội dung học phần: This course provides general knowledge of the culture and civilization of the United Kingdom and the United States of America. Students will be provided the knowledge of background, geography and tourist attractions, social life and holidays, education, economy, and institutions of these two countries, which is the basis for the subjects such as Translating, Intepretation...

### **2.4.33 Dẫn luận ngôn ngữ học**

**2TC**

- Điều kiện tiên quyết của học phần: Không

- Mô tả nội dung học phần: Học phần nhằm giới thiệu cho sinh viên những kiến thức chung về ngôn ngữ học, phục vụ cho việc học tập và nghiên cứu ngôn ngữ. Cụ thể, học phần giới thiệu những khái niệm cơ bản và quan trọng nhất của ngôn ngữ học như: bản chất, nguồn gốc, hệ thống, kết cấu, từ vựng, ngữ âm, ngữ pháp. Học phần hướng dẫn sinh viên tự nghiên cứu, thực hành thảo luận, thuyết trình và trình bày một vấn đề lý thuyết đã học.

Khối kiến thức tự học với thời lượng gấp đôi liên quan đến nội dung bài học trên lớp giúp sinh viên có được hiểu biết tổng thể về ngôn ngữ học.

Kết thúc học phần, Sinh viên có được kiến thức nền tảng về ngôn ngữ học hỗ trợ tích cực cho việc học ngoại ngữ và môn Ngôn ngữ học tiếng Anh 1&2

#### **2.4.34 Biên dịch 1**

**3TC**

- Điều kiện tiên quyết của học phần: Ngữ pháp tiếng Anh thực hành 1
- Mô tả nội dung học phần: Học phần Biên dịch 1 cung cấp cho sinh viên kiến thức lí thuyết dịch thuật đang thịnh hành và các kĩ năng biên dịch. Học phần giúp sinh viên phân biệt được các loại văn bản xét theo thể loại và các phương pháp dịch thuật hiệu quả áp dụng cho loại văn bản hay phong cách đó.

#### **2.4.35 Biên dịch 2**

**3TC**

- Điều kiện tiên quyết của học phần: Ngữ pháp tiếng Anh thực hành 2
- Mô tả nội dung học phần: Học phần Biên dịch 2 cung cấp cho sinh viên kĩ năng biên dịch thực hành theo các chủ đề khác nhau như chính trị, kinh tế, khoa học, thơ văn ...

#### **2.4.36 Phiên dịch 1**

**3TC**

- Điều kiện tiên quyết của học phần: Ngữ pháp tiếng Anh thực hành 1
- Mô tả nội dung học phần: Học phần bao quát 5 chủ đề cơ bản trong các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội sau: giáo dục; dân số; môi trường; du lịch; kinh doanh; marketing. Học phần hướng dẫn sinh viên thực hành phân tích các ngôn bản trên theo khía cạnh ngữ pháp, cấu trúc câu, từ vựng. Làm quen với công tác phiên dịch, nghề phiên dịch, tác phong làm việc của một phiên dịch. Thời gian giảng dạy trên lớp chú trọng thực hành áp dụng 5 kỹ năng dịch cơ bản được lồng ghép trong các tuần học: kỹ năng kết hợp từ và dùng từ đồng nghĩa; kỹ năng chú giải và dịch tên riêng; kỹ năng phân tích, diễn giải và tái cấu trúc; và kỹ năng đơn giản hóa trong phiên dịch.

#### **2.4.37 Phiên dịch 2**

**3TC**

- Điều kiện tiên quyết của học phần: Ngữ pháp tiếng Anh thực hành 2
- Mô tả nội dung học phần: Học phần bao quát 5 chủ đề cơ bản trong các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội sau (trùng tác cùng các nội dung của các chủ đề trong học phần phiên dịch 1: Quy hoạch và đô thị; Báo chí và truyền thông ; Đầu tư ; Chính trị, ngoại giao ; Kinh tế biển. Học phần hướng dẫn sinh viên thực hành phân tích các ngôn bản trên theo khía cạnh ngữ pháp, cấu trúc câu, từ vựng. Thời gian giảng dạy trên lớp chú trọng thực hành áp dụng 5 kỹ năng dịch cơ bản được lồng ghép trong các tuần học: kỹ năng kết hợp từ và dùng từ đồng nghĩa; kỹ năng chú giải và dịch tên riêng; kỹ năng phân tích, diễn giải và tái cấu trúc; và kỹ năng đơn giản hóa trong phiên dịch ở cấp độ cao.

#### **2.4.38 English Linguistics 1**

**3TC**

- Điều kiện tiên quyết của học phần: Ngữ pháp tiếng Anh thực hành 1



- Mô tả nội dung học phần: This course provides general knowledge of English language theory. The course provides students with knowledge of English language and linguistics such as phonetics and phonology, morphology, syntax, semantics, and pragmatics.

#### **2.4.39 English Linguistics 2**

**3TC**

- Điều kiện tiên quyết của học phần: English Linguistics 1

- Mô tả nội dung học phần: This course provides deep knowledge of English language and linguistics. The course provides students with knowledge of discourse analysis, sociolinguistics, historical linguistics and history of English

#### **2.4.40 Cross Culture Communication**

**3TC**

- Điều kiện tiên quyết của học phần: Không

- Mô tả nội dung học phần: This course provides general knowledge of cross culture communication. Students will be able to identify the cross culture components as well as understand the effects of culture and society on communication, which is the basis for the subjects such as Translating and Interpretation.

#### **2.4.41 Cơ sở VH VN**

**2TC-**

- Điều kiện tiên quyết của học phần: Không

- Mô tả nội dung học phần: Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về văn hóa Việt Nam, nhận diện và định nghĩa về văn hóa, cung cấp cho sinh viên kiến thức về tiến trình văn hóa Việt Nam; văn hóa nhận thức; văn hóa tổ chức đời sống cá nhân; văn hóa ứng xử với môi trường xã hội. Môn học cũng cung cấp kiến thức nền cho việc tiếp thu và đối chiếu khi học các học phần Văn hóa văn minh Anh - Mỹ, Giao thoa giao văn hóa. Khối kiến thức tự học với thời lượng gấp đôi liên quan đến nội dung bài học trên lớp giúp sinh viên có hiểu biết tổng thể về văn hóa Việt Nam, từ đó giữ gìn, bảo vệ và phát huy truyền thống văn hóa của dân tộc và sẽ có những thay đổi về nhận thức, tư tưởng, trở thành một người sống có văn hóa. Có vốn hiểu biết tổng thể về văn hóa Việt, sinh viên sẽ tự tin giới thiệu và quảng bá với bạn bè, du khách quốc tế nền văn hóa đậm đà bản sắc của nước nhà.

#### **2.4.42 Thực tập tốt nghiệp**

**4TC**

- Điều kiện tiên quyết của học phần: Sinh viên hoàn thành toàn bộ các học phần khối kiến thức, kỹ năng cơ bản, cơ sở, và chuyên ngành. Ngoài ra sv phải có tất cả các điểm X.

- Mô tả nội dung học phần: Học phần thực tập tốt nghiệp nhằm tạo điều kiện cho sinh viên thâm nhập môi trường làm việc; ứng dụng các kiến thức đã học vào công việc thực tế tại các công ty, cơ quan, xí nghiệp, tổ chức kinh doanh có sử dụng Tiếng Anh; học hỏi và rèn luyện phong cách làm việc và ứng xử trong quan hệ công tác. Mục tiêu cụ thể là:

- Về chuyên môn: tạo cơ hội thực hành, ứng dụng các kỹ năng dịch thuật và các kỹ năng tiếng Anh trong môi trường làm việc thực tế có sử dụng tiếng Anh, đem lại hiệu quả thiết thực cho sinh viên; giúp sinh viên hiểu biết rõ hơn về các thủ tục, quy trình trong hoạt động doanh nghiệp, liên hệ lý thuyết và thực tiễn; giúp sinh viên định hình nghề nghiệp dựa vào sở thích và năng lực của sinh viên; kết hợp với các tổ chức, cơ sở doanh nghiệp... nơi sinh viên thực tập đánh giá chất lượng đào tạo sinh viên, từ đó đề xuất phương hướng điều chỉnh kế hoạch đào tạo, nâng cao chất lượng đào tạo.

- Về kỹ năng: phát triển kỹ năng giao tiếp xã hội như kỹ năng giao tiếp trong văn phòng, giao dịch thương mại, và các kỹ năng khác như lập kế hoạch, giải quyết vấn đề, làm việc nhóm, thu thập và xử lý thông tin trên máy vi tính, quan sát, tổ chức, ghi chép... tại cơ quan, văn phòng, doanh nghiệp phù hợp với chuyên ngành học.

- Về ứng xử (phối hợp với đơn vị thực tập rèn sinh viên): có thái độ làm việc nghiêm túc, cẩn thận, có tinh thần trách nhiệm trong công việc, chấp hành tốt mọi quy định, nội quy trong cơ quan; Năng động, sáng tạo trong công việc; Biết làm việc trong tập thể, quan hệ cởi mở, hài hoà với mọi người ở cơ quan thực tập; Có tinh thần cầu tiến, học tập trong công việc.

Kết thúc học phần sinh viên có thêm trải nghiệm cơ hội việc làm như một nhân viên của đơn vị thực tập. Qua đợt thực tập, sinh viên nắm rõ về thực tế công việc cũng như yêu cầu về mặt chuyên môn, kỹ năng đối với loại hình công việc; định hướng được nghề nghiệp tương lai và xác định được mục tiêu, chiến lược phấn đấu. Các sinh viên có chuyên môn và thái độ làm việc tích cực có thể được đơn vị thực tập tạo cơ hội tuyển dụng trước khi ra trường.

## **KHỐI KIẾN THỨC KỸ NĂNG TỰ CHỌN**

### **2.4.44 Tiếng Nhật 1**

**3TC**

- Điều kiện tiên quyết của học phần: Không

- Mô tả nội dung học phần: Học phần giảng dạy và luyện tập ngữ âm cơ bản của tiếng Nhật, bước đầu phát triển kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Nhật cho sinh viên. Học phần giới thiệu hệ thống chữ viết, ngữ âm, các cách chào hỏi giới thiệu về bản thân và hội thoại những nội dung đơn giản trong cuộc sống hàng ngày như hỏi giờ, hỏi đường. Biết miêu tả hành động việc làm ở thể động từ cơ bản. Học phần cũng hướng dẫn sinh viên viết đoạn văn ngắn theo các chủ đề, đọc và viết thành thạo hệ thống chữ cái trong tiếng nhật và 80-100 chữ Hán, và tìm hiểu văn hóa Nhật bản thông qua các bài hội thoại và bài văn ngắn.

### **2.4.45 Tiếng Nhật 2**

**3TC**

- Điều kiện tiên quyết của học phần: Không

- Mô tả nội dung học phần: Học phần tiếp tục giảng dạy và luyện tập ngữ âm cơ bản của tiếng Nhật, bước đầu phát triển kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Nhật cho sinh viên. Học phần

hướng dẫn sinh viên miêu tả hành động việc làm ở thể động từ chia theo công thức cơ bản, khả năng viết bài văn ngắn theo các chủ đề, miêu tả bằng câu văn phức, sử dụng các trạng từ phó từ để tăng mức độ miêu tả trong câu. Học phần cũng giới thiệu văn hóa Nhật bản thông qua các bài học hội thoại và bài văn đọc hiểu.

#### **2.4.46 Tiếng Nhật 3**

**3TC**

- Điều kiện tiên quyết của học phần: Không
- Mô tả nội dung học phần: Môn tiếng Nhật B1 được thiết kế tích hợp giữa các môn Nghe, Nói, Đọc, Viết, Từ vựng - chữ Hán và Ngữ pháp được giảng dạy trong 45 tiết. Cung cấp các kỹ năng cơ bản nghe, nói, đọc, viết phục vụ hoạt động giao tiếp bằng tiếng Nhật trên cơ sở sử dụng các từ vựng, chữ Hán và nhất là ngữ pháp được đề cập trong giáo trình Minna no Nihongo. Nội dung chủ yếu của môn học này các tình huống và các chức năng giao tiếp cơ bản như: miêu tả, so sánh, trò chuyện về một sự vật, hiện tượng, các nói lời xin phép, ngăn cấm, yêu cầu; về khả năng và ước mơ của bản thân... Giáo trình môn học được chia làm nhiều chủ đề với các nội dung phong phú, các tình huống cụ thể giúp học sinh có được kiến thức cơ bản về giao tiếp, biết cách nhận thức và phân tích tình huống và có thể diễn đạt về một vấn đề nhất định một cách đơn giản. Ngoài ra, trong môn học này, giáo viên sẽ sử dụng thêm một số tài liệu phụ trợ, một mặt để nâng cao kỹ năng nghe, nói, đọc, viết của người học, mặt khác cung cấp các kiến thức văn hoá xã hội, đời sống của người Nhật.

#### **2.4.47 Tiếng Trung 1**

**3TC**

- Điều kiện tiên quyết của học phần: Không
- Mô tả nội dung học phần: Học phần tiếng Trung A1 gồm 15 bài hội thoại đơn giản, thông dụng gồm khoảng 300 từ mới, và các kết cấu ngữ pháp quan trọng. Nội dung trong chủ yếu 10 bài đầu là giúp sinh viên nhận biết được hệ thống ngữ âm tiếng trung bao gồm các âm mẫu, vần mẫu và âm tiết. Trong đó có các bảng biểu, ví dụ để sinh viên có thể được luyện tập dễ dàng. Ngoài ra, học phần còn cung cấp các cấu trúc câu đơn giản, khẳng định, phủ định, và nghi vấn cũng như hệ thống câu hỏi về số lượng. Học phần cũng hướng dẫn cho sinh viên một số đại từ nghi vấn căn bản như: Ai, Ở đâu, Cái gì?....

#### **2.4.48 Tiếng Trung 2**

**3TC**

- Điều kiện tiên quyết của học phần: Không
- Mô tả nội dung học phần: Học phần tiếng Trung A2 là hệ thống 15 bài hội thoại thông dụng gồm khoảng 300 từ mới, bộ thủ và các kết cấu ngữ pháp quan trọng :

Cấu trúc câu hỏi lựa chọn 还是, câu tính lược, cách dùng lượng từ trong tiếng Hán 数词 + 量词 + 名词, câu liên động, cách biểu đạt thời gian trong tiếng Hán, câu kiêm ngữ.....

Mục đích chính là lấy các yếu tố ngôn ngữ như ngữ âm, ngữ pháp, từ ngữ, chữ Hán ...làm cơ sở. Thông qua việc dạy và học trên lớp sinh viên tăng được khả năng nghe nói theo đoạn văn, bồi dưỡng khả năng giao tiếp cho sinh viên.

Giáo trình được phân bố hợp lý giúp sinh viên nắm được toàn bộ kiến thức một cách toàn diện: 1. bài khóa ; 2: từ mới ; 3: chú thích ; 4: ngữ pháp ; 5: ngữ âm ; 6: luyện tập.

### **2.4.49 Tiếng Trung 3**

**3TC**

- Điều kiện tiên quyết của học phần: Không

- Mô tả nội dung học phần: Học phần bao gồm 15 bài hội thoại thông qua ngữ cảnh nhất định, đã kết hợp hài hòa giữa cấu trúc ngữ pháp, ngữ nghĩa và khả năng giao tiếp. Chương trình B1 cung cấp khoảng 450-500 từ mới, có kết cấu phân bố hợp lý về chương trình học mới lẫn phần ôn tập cho sinh viên.

Phần ngữ pháp được bố trí nâng cao dần với các cấu trúc câu : trợ từ ngữ khí 了, cấu trúc vì ..nên 因为 。 。 。 所以 , cấu trúc tuy ...nhưng 虽然 。 。 。 但是 , bỏ ngữ kết quả 上 và 到, cấu trúc động từ ly hợp, câu cảm thán....

Mục đích chính là thông qua các đoạn văn ngắn sinh động để củng cố các hiện tượng ngữ pháp đã học, mở rộng vốn từ, luyện tập năng lực biểu đạt thành đoạn văn. Thông qua các bài luyện tập trên lớp giúp sinh viên từng bước nâng cao khả năng biểu đạt ngôn ngữ và giao tiếp xã hội.

### **2.4.50 Tiếng Hàn 1**

**3TC**

- Điều kiện tiên quyết của học phần: Không

- Mô tả nội dung học phần: Học phần này đặt mục tiêu nâng cao năng lực giao tiếp tổng hợp cho sinh viên mới bắt đầu học tiếng Hàn thông qua việc trau dồi các biểu hiện và cấu trúc cơ bản, luyện các bài tập ứng dụng với các hoạt động đa dạng, cũng như tìm hiểu những nét cơ bản về văn hóa, đất nước, con người Hàn Quốc.

Học phần cung cấp vốn từ vựng và kiến thức nền về các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống như: ‘giới thiệu 소개’, ‘nghề nghiệp 직업’, ‘quốc tịch 국적’, ‘trường học 학교’, ‘gia đình가족’, ‘sinh hoạt hàng ngày 일상생활’, ‘ngày và thứ 날짜와요일’, hay về ‘công việc trong ngày 하루일과’.

Với mỗi chủ đề, học phần hướng dẫn sinh viên chuẩn bị từ vựng, cung cấp kiến thức nền, cung cấp câu trả lời mẫu, tổ chức sinh viên làm việc độc lập, làm việc tương tác theo cặp, nhóm. Thông qua quá trình trên, sinh viên có thể mở rộng phạm vi học tập từ vựng, ngữ pháp và có thể hiểu và thực hiện được những hội thoại thích hợp.

#### **2.4.51 Tiếng Hàn 2**

**3TC**

- Điều kiện tiên quyết của học phần: Không
- Mô tả nội dung học phần: Học phần nhằm rèn luyện sinh viên khả năng sử dụng tiếng Hàn có hiệu quả trong các tình huống giao tiếp và về một số chủ điểm thông thường ở trình độ Sơ cấp. Đây là khối lượng tiếng Hàn nằm trong khối lượng kiến thức chung cơ bản tiến tới mở rộng và nâng cao kiến thức và kỹ năng thực hành tiếng.

Học phần được chia thành ba phần chính tập trung vào các chủ đề quen thuộc như: 주말 (cuối tuần), 물건사기 (mua sắm), 음식 (thức ăn), 집 (nhà cửa), 가족 (gia đình). Phần thứ nhất là phần luyện từ vựng. Phần này giúp sinh viên ôn tập và luyện tập nâng cao trên cơ sở các từ vựng phù hợp với nội dung chủ đề được học trong giáo trình chính. Phần thứ hai là phần luyện ngữ pháp giúp luyện tập các cấu trúc ngữ pháp cơ bản đã học trong giáo trình chính. Thêm vào đó, bằng việc so sánh những cấu trúc ngữ pháp đã học trong bài với những cấu trúc ngữ pháp xuất hiện trước đó giúp cho sinh viên có thể học ngữ pháp một cách có hệ thống. Phần thứ ba là phần ôn luyện tổng hợp các kỹ năng giao tiếp như nghe, nói, đọc, viết. Đặc biệt, trong phần này còn có những bài luyện đa dạng nhằm nâng cao năng lực hoạt động thực tế cho sinh viên.

Thông qua quá trình trên, sinh viên có thể mở rộng phạm vi học tập từ vựng, ngữ pháp và có thể hiểu và thực hiện được những hội thoại thích hợp.

#### **2.4.52 Tiếng Hàn 3**

**3TC**

- Điều kiện tiên quyết của học phần: Không
- Mô tả nội dung học phần: Học phần nhằm rèn luyện sinh viên khả năng sử dụng tiếng Hàn có hiệu quả trong các tình huống giao tiếp và về một số chủ điểm thông thường ở trình độ Sơ cấp. Đây là khối lượng tiếng Hàn nằm trong khối lượng kiến thức chung cơ bản tiến tới mở rộng và nâng cao kiến thức và kỹ năng thực hành tiếng.

Học phần được chia thành các phần như: luyện từ vựng, luyện ngữ pháp cơ bản, luyện tập kỹ năng nói, nghe, đọc viết, luyện phát âm, tìm hiểu văn hóa tập trung vào các chủ đề quen thuộc như: 날씨(thời tiết), 전화(điện thoại), 새일(sinh nhật), 취미(sở thích), 교통(giao thông).

Mỗi chương hay mỗi bài học sẽ có một mục tiêu học tập khác nhau cho sinh viên ở từng phân kỹ năng hay luyện tập ứng dụng, từ vựng, cấu trúc ngữ pháp, văn hóa nhằm tạo động cơ học tập và thiết lập mục tiêu học tập cho sinh viên.

Thông qua quá trình trên, sinh viên có thể mở rộng phạm vi học tập từ vựng, ngữ pháp và có thể hiểu và thực hiện được những hội thoại thích hợp.

#### **2.4.53 Tin học VP**

**3TC**

- Điều kiện tiên quyết của học phần: Không  
- Mô tả nội dung học phần: Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về soạn thảo và định dạng văn bản với MS Word 2013, thao tác và xử lý dữ liệu trên bảng tính với MS Excel 2013; từ đó hình thành cho sinh viên các kỹ năng để có thể làm việc trên văn bản và bảng tính như sau:

- Thành thạo kỹ năng soạn thảo và định dạng văn bản cơ bản (định dạng kí tự, định dạng đoạn, định dạng trang văn bản) với Word 2013.

- Thành thạo các kỹ năng thao tác với bảng biểu và đối tượng đồ họa trong Word 2013.

- Thành thạo việc kiểm duyệt nội dung, tạo tham chiếu và liên kết trong Word 2013.

- Có thể thực hiện trộn thư với Word 2013.

- Thành thạo kỹ năng tạo bảng tính và định dạng dữ liệu, trang in trong Excel 2013.

- Thành thạo việc sử dụng các hàm cơ bản trong Excel 2013 (hàm thống kê, hàm logic, hàm tìm kiếm).

#### **2.4.54 Làm việc trong MT đa văn hóa**

**3TC**

- Điều kiện tiên quyết của học phần: Không

- Mô tả nội dung học phần: “Working across cultures” is a highly practical subject which is closely related to what English-majoring students can learn from “Cross Cultures” and “Business English” and put it into practice. The course focuses on the developmeny of reading comprehension skill, critical thinking and discussion for the sake of English-majoring students. In the course, students are expected to require knowledge and understanding about cultural differences in business context. As a result, when working at foreign and multicultural environment, with their fully equipped preparation of knowledge and mental power, students will be able to overcome culture shock in order to produce adaptability and efficiency.

#### **2.4.55 Tiếng Anh thương mại 2**

**3TC**

- Điều kiện tiên quyết của học phần: Tiếng Anh thương mại 2

- Mô tả nội dung học phần: Học phần TATM 2 cung cấp cho sinh viên các thuật ngữ tiếng Anh và một số kiến thức cơ bản về lĩnh vực kinh tế thương mại qua các chủ đề chuyên sâu hơn trong thương mại như: 'Travel', 'Change', 'Organisation', 'Money', 'Cultures', 'Human resources' và 'International markets'. Các nội dung này sẽ được thực hiện thông qua các hoạt động như thảo luận, nghe hiểu, đọc hiểu và thuyết trình. Sinh viên cũng cần áp dụng các kỹ thuật nghe, đọc và nói đã học như: đọc quét, đọc lướt, đoán nghĩa từ, suy luận, tóm tắt nội dung văn bản để đọc hiểu nhanh đối với các bài đọc ở trình độ trung cấp (Intermediate) 400-450 từ với nhiều từ chuyên sâu hơn; nghe điền từ, nghe lấy ý chính, nghe lấy thông tin chi tiết để nghe hiểu được nhanh các bài nghe với nhiều từ chuyên sâu thường dưới dạng các bài phỏng vấn với các chuyên gia kinh tế; suy xét và đưa ra giải pháp cho một vấn đề được đưa ra trong bài. Ngoài ra học phần này trang bị cho sinh viên một số kiến thức về làm việc trong môi trường đa văn hóa.

Kết thúc học phần sinh viên có thể đạt trình độ trung cấp (Intermediate) về tiếng Anh thương mại

#### **2.4.56 Kỹ năng mềm 2**

**2TC**

- Điều kiện tiên quyết của học phần: Không

- Mô tả nội dung học phần: Nội dung học phần: Kỹ năng mềm 2 là học phần thuộc khối kiến thức tự chọn. Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về việc xác định mục tiêu nghề nghiệp, cách thức xây dựng một bộ hồ sơ hoàn chỉnh nhằm gây ấn tượng với nhà tuyển dụng, nắm được kỹ năng trả lời phỏng vấn đạt hiệu quả cao; đồng thời có khả năng quản lý tốt công việc của bản thân.

#### **2.4.57 Logistics**

**3TC**

- Điều kiện tiên quyết của học phần: Không

- Mô tả nội dung học phần: This course provides students with common terms and fundamental knowledge used in the field of logistics via a number of topics including “Logistics services”, “Inventory management and procurement”, “Modes of transport”, “Planning and arranging transport”, “Shipping goods”, “warehousing and storage”.... These contents are acquired through a variety of activities such as group discussion, listening, speaking, writing and reading comprehension. Students are expected to understand and use the new terminologies to do different exercises relating to the topics. In addition, they are also supposed to take part in discussions and pair work so as to improve argumentative skills.

At the end of the course, students can achieve the intermediate level in English for logistics.

#### **2.4.58 Business Communication**

**2TC**

- Điều kiện tiên quyết của học phần: Không

- Mô tả nội dung học phần: This course explains the goals of business communication, describes the different patterns of business communication, explains the communication process, explains the importance of business communication to individuals and organizations and identify communication barriers and ways to overcome them. The course also provides students with common terms and fundamental knowledge used in business communication via a number of topics including “Job application”, “Requesting and Providing Information”, “Requesting Services and Ordering Supplies”, “Confirming Services and Orders”, “Reporting Problems with Order ”, “Correcting Order”, “Conducting a Meeting”, “Public Relations”.....

#### **2.4.59 Legal professionals**

**3TC**

- Điều kiện tiên quyết của học phần: Không

- Mô tả nội dung học phần: This course provides students with common terms and fundamental knowledge used in the field of Legal professionals via a number of topics including “Setting up a business”, “Employing people, “buying and selling goods and services”, “Protecting intellectual property”, “Mergers and acquisitions”, Risk management and insolvency". The module develops the learner's ability to speak through listening, speaking, reading and writing skills, helping learners to grasp and correctly use the language structures in the legal and everyday life. "Did you know?" Each article provides a comprehensive knowledge of useful language in the use of English. Students can practice and master their linguistic knowledge through interpersonal, group interaction in real-life situations (Partner Files); In addition, students can develop their ability to produce language as well as their ability to think independently through the Output and Over to You sections.

At the end of the course, students can achieve the intermediate level in English for Legal professionals

#### **5.60 Marketing**

**3TC**

- Điều kiện tiên quyết của học phần: Không

- Mô tả nội dung học phần: This course provides students with common terms and fundamental knowledge used in the field of marketing and advertising via a number of topics including “marketing strategies”, “brands”, “selling online”, “advertising” and “expanding internationally”. These contents are acquired through a variety of activities such as group discussion, reading comprehension and presentation. In order to do this, students are expected to apply several reading techniques like skimming and scanning, guessing word meaning in context so that they can understand articles and texts whose length ranges from 400 to 450 words. In addition, they are also supposed to take part in discussions so as to improve argument skills.



At the end of the course, students can achieve the level of intermediate English in marketing.

#### **2.4.61 Maritime Economics**

**3TC**

- Điều kiện tiên quyết của học phần: Không

- Mô tả nội dung học phần: This course provides students with common terms and fundamental knowledge used in the field of Maritime Economics such as the basic concept of sea transport economics, terms in transportation, payment, shipping procedure via a number of topics including “Ship classification”, “Different kinds of shipping, “Modes of transport”, “Port operations areas”, “Contract of Sale”, “International commercial terms (INCOTERMS2010)”, “Documentation”, “Terms of payment”, “Charter parties”, “Bill of Lading”, “Shipping procedure”, “Shipping goods”. It also develops the learner's ability to speak through speaking and reading skills, helping learners to grasp and correctly use the language structures in the Maritime Economics. Each chapter provides a comprehensive knowledge of useful language in the use of English. Students can practice and master their linguistic knowledge through interpersonal, group interaction.

At the end of the course, students can achieve the intermediate level in English for Maritime Economics

#### **2.4.62 Tourism and hospitality**

**3TC**

- Điều kiện tiên quyết của học phần: Không

- Mô tả nội dung học phần: English for Tourism and Hospitality is designed for students who plan to take a course in the area of tourism and/or hospitality entirely or partly in English. The principal aim of English for Tourism and Hospitality is to teach students to cope with input texts, i.e., listening and reading, in the discipline. However, students will be expected to produce output texts in speech and writing through the course.

The syllabus focuses on key vocabulary for the discipline and on words and phrases commonly used in academic and technical English. It covers key facts and concepts from the discipline, thereby giving students a flying start for when they meet the same points again in their faculty work. It also focuses on the skills that will enable students to get the most out of lectures and written texts. Finally, it presents the skills required to take part in seminars and tutorials and to produce essay assignments.

Each unit in the course is based on a different aspect of tourism or hospitality. Odd-number units are based on listening (lecture/seminar extracts). Even-number units are based on reading

#### **2.4.63 English Language Teaching Methodology**

**3TC**

- Điều kiện tiên quyết của học phần: Không

- Mô tả nội dung học phần: The course provides students with a solid foundation in the main skills required to teach English as a second language. This course helps students apply these skills in real-world roles.

#### **2.4.64 Research Methodology**

**3TC**

- Điều kiện tiên quyết của học phần: Không

- Mô tả nội dung học phần: This course provides general knowledge concerning research methodology including basic concepts and principles of research. It helps students develop the subject of their research, encourage the formation of higher level of trained intellectual ability, critical analysis, rigour, and independence of thought, foster individual judgement, and skill to write research proposals, reports, and dissertation.

#### **2.4.65 The Undergraduate Thesis**

**6TC**

- Điều kiện tiên quyết của học phần: Không

- Mô tả nội dung học phần: Students are given the opportunity to research, develop, and write a mini-dissertation of 6,000 – 8,000 words. This sounds daunting, but you have six months to complete it, and plenty of guidance from the teachers, so many of the students have found it one of the most rewarding part of their studies.

Among other outcomes, you should gain from this course:

- In-depth understanding of your chosen field of study.
- Experience of completing an individual piece of research through from conception to final, fully-documented work.
- Understanding of scholarly standards of objectivity, documentation, referencing and citation.
- A more nuanced sense of the complexities of contemporary critical practice.

The final dissertation has to be bound, fully ‘styled’ and sourced (in other words, a professional piece of report writing in every sense), and is your chance to connect together many of the skills you have acquired on the English programme here at VMU.

#### **2.4.66 Viết luận nâng cao**

**3TC**

- Điều kiện tiên quyết của học phần: Không

- Mô tả nội dung học phần: This course is designed to help students understand the structure, characteristics, and conventions of effective writing as well as enable them to develop their own successful writing processes. Students are taught about organization, adequate and relevant detail, essay parts, effective expression, and grammar with particular emphasis on argumentation and persuasion in the theory and practice of expository writing. Also included is a research paper component introducing students to

concepts of information fluency, logical fallacies, rhetorical strategies, and other research methods and practices.

Upon successfully completion of this course, the student will demonstrate:

- Reading and writing proficiency within the discipline, to include the following skills:
    - summarize a text
    - evaluate and analyze a text
    - formulate a persuasive argument
    - use persuasive arguments
  - Ability to self-edit and recognize error in the texts of others
  - An effective and appropriate written communication style for the audience, with emphasis on organization, structure, audience awareness, and clear purpose.
  - Ability to acquire, evaluate, and process information for a lengthy research project.
- This assignment also contains the following information fluency

#### **2.4.67 Chuyên đề phiên dịch :**

**3TC**

- Điều kiện tiên quyết của học phần: Không
- Mô tả nội dung học phần: Học phần này nhằm giúp sinh viên hiểu một cách sâu hơn các bước trong công việc của người phiên dịch. Sinh viên sẽ làm việc theo nhóm (3-4 sv/nhóm). Sinh viên sẽ được hướng dẫn các bước trong công việc của người phiên dịch trước, trong và sau khi thực hiện công tác phiên dịch với các tình huống giả tưởng, mô phỏng môi trường làm việc của người phiên dịch (dịch đuổi, dịch hội thoại, dịch tháp tùng, dịch thực địa, dịch cabin....)

Khối kiến thức tự học với thời lượng gấp đôi liên quan đến chủ đề từ vựng, cấu trúc đã học trên lớp giúp sinh viên nắm bắt thêm về từ vựng, cấu trúc cần thiết. Các bài tập dịch được bổ sung để sinh viên có thêm nhiều cơ hội tự thực hành và biết áp dụng được các kỹ năng giới thiệu trên lớp để xử lý các dạng ngôn bản hay các tình huống tương tự.

#### **2.4.68 Chuyên đề biên dịch :**

**3TC**

- Điều kiện tiên quyết của học phần: Không
- Mô tả nội dung học phần: Học phần tạo điều kiện cho sinh viên làm việc theo nhóm tự nghiên cứu trình bày 1 vấn đề về chuyên ngành dịch thuật do giảng viên đặt ra. Các tiểu chuyên đề này bao quát cả lý thuyết lẫn thực hành về ngành biên dịch. Xu hướng dịch thuật, quan điểm các tác giả. So sánh đối chiếu các bản dịch, nhận xét đánh giá mức độ thành công của các tác giả.

